



Phụ lục VIII

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC KHU ĐÔ THỊ, KHU (ĐIỂM) DÂN CƯ TẬP TRUNG, KHU TÁI ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 109/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	TỔNG SỐ	-	26.047.038	22.889.784	-	2.407.949	2.153.437	19.835.920	21.667.252	4.553.247	6.759.500	17.629.665	1.205.970	1.385.606	2.540.675	5.187.565	7.309.851	522
1	THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH		8.218.474	6.555.766	-	474.708	321.140	6.158.352	6.129.007	257.973	1.929.723	4.486.602	443.555	677.837	1.125.244	1.059.296	1.180.670	69
1.1	THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH (Cũ)		7.266.856	5.702.139	-	308.958	164.259	5.477.966	5.331.331	61.404	1.770.852	3.768.518	300.362	677.837	1.011.243	931.076	848.000	41
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		2.990.236	1.919.380	-	187.411	81.608	1.752.492	1.452.484	1.404	810.195	943.701	249.257	105.000	191.363	190.943	207.138	15
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		2.012.329	1.017.458	-	187.411	81.608	720.946	558.477	1.404	255.766	466.584	211.257	31.000	115.800	32.550	75.977	10
a	Các dự án đã quyết toán		206.541	95.683	-	187.411	81.608	888	666	-	222	666	666	-	-	-	-	2
a.1	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		206.541	95.683	-	187.411	81.608	888	666	-	222	666	666	-	-	-	-	2
	- Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phục vụ GPMB Quốc lộ 10 giai đoạn II thành phố Nam Định (Tên khác: Khu tái định cư Đồng Quy)	3052 (22/11/04) 1683 (22/8/2008)	95.683	95.683	1678 (27/8/15)	81.608	81.608	666	666	-	-	666	666	-	-	-	-	1
	- Khu tái định cư Văn hóa Trần	2342 (05/11/10) 1499 (17/9/13)	110.858	-	1448 (19/8/14)	105.803	-	222	-	-	222	-	-	-	-	-	-	1
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		838.971	308.593	-	-	-	79.049	65.762	1.404	13.287	67.166	29.478	1.000	6.800	7.250	22.638	4
	- Xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB phường Cửa Nam, thành phố Nam Định	297 (27/02/13)	144.308	55.400	-	-	-	5.378	5.378	-	-	5.378	5.378	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu TDC khu vực hồ Bà Tráng, thành phố Nam Định	1630 (16/10/13) 25 (10/01/19)	53.779	19.959	-	-	-	3.759	3.759	-	-	3.759	-	1.000	-	50	2.709	1
	- Xây dựng khu tái định cư khu vực chùa thôn Phúc Trọng xã Mỹ Xá và khu Bãi Viên xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định	191 (25/01/11)	541.762	140.008	-	-	-	3.399	3.399	1.404	-	4.803	-	-	-	200	4.603	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng đường Lưu Hữu Phước kéo dài (Đoạn từ đường Thanh Bình đến khu đô thị Mỹ Trung) và khu tái định cư Liên Hà 1, phường Lộc Hạ, thành phố Nam Định	412 (02/3/20) 1161 (15/6/23) 1663 (02/8/24)	99.122	93.226				66.513	53.226	-	13.287	53.226	24.100	-	6.800	7.000	15.326	1
c	Các dự án chuyển tiếp		966.817	613.182	-	-	-	641.009	492.049	-	242.257	398.752	181.113	30.000	109.000	25.300	53.339	4
	- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Tây đồng mac - thành phố Nam Định	2488 (25/9/03) 2384 (19/10/07) 2856 (14/9/10) 39 (31/8/20) 376 (30/01/24)	71.366	13.018				13.018	13.018	-	-	13.018	-	-	-	-	13.018	1
	- Xây dựng hạ tầng khu Tái định cư Đông Đông mac, thành phố Nam Định	1176 (24/5/04) 572 (06/4/15) 38 (31/8/20) 375 (30/01/24)	57.364	33.037				5.800	5.800	-	3.779	2.021	-	-	-	-	2.021	1
	- Xây dựng khu đô thị mới phía Nam Sông Đào, thành phố Nam Định	1819 (27/8/2018) 3131 (30/12/20) 2431 (27/12/22) 1912 (29/9/23) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	722.067	539.156				573.118	473.118	-	189.518	383.600	181.000	30.000	109.000	25.300	38.300	1
	- Xây dựng tuyến đường từ đường Đông A đến đường Trường Chinh và khu tái định cư hồ Hàng Nan, thành phố Nam Định	1258 (19/6/09)	116.020	27.971				49.073	113	-	48.960	113	113	-	-	-	-	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		977.907	901.922	-	-	-	1.031.546	894.007	-	554.429	477.117	38.000	74.000	75.563	158.393	131.161	5
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		219.807	175.107	-	-	-	275.346	175.107	-	100.239	175.107	23.000	64.000	43.140	200	44.767	1
	- Xây dựng khu đô thị đường Nguyễn Công Trứ, phường Lộc Vương, thành phố Nam Định	2545 (26/11/21)	219.807	175.107	-			275.346	175.107	-	100.239	175.107	23.000	64.000	43.140	200	44.767	1
c	Các dự án chuyển tiếp		758.100	726.815	-	-	-	756.200	718.900	-	454.190	302.010	15.000	10.000	32.423	158.193	86.394	4

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Lương Xá, Phú Ốc, phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định	2636 (27/12/23) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	240.000	239.900				200.000	239.900	-	139.400	60.600	-	-	44.600	16.000	1	
	- Xây dựng khu tái định cư phường Lộc Vương (khu vực Trường Đại học Lương Thế Vinh, phường Lộc Vương)	152 (18/01/21) 18 (05/01/24) 2302 (25/10/24) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	88.100	57.215				106.200	49.300	-	48.985	57.215	15.000	10.000	21.423	2.877	7.915	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Vạn Diệp, xã Nam Phong, thành phố Nam Định	2637 (27/12/23) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	240.000	239.800				260.000	239.800	-	183.500	76.500	-	-	50.500	26.000	1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Đông Phong - Dịch Lễ, xã Nam Phong và xã Nam Vân, thành phố Nam Định	1730 (31/8/23)	190.000	189.900				190.000	189.900	-	82.305	107.695	-	-	11.000	60.216	36.479	1
2	Các dự án tình quyết định đầu tư		4.276.620	3.782.759	-	120.647	82.651	3.698.962	3.863.133	60.000	949.859	2.809.103	35.391	572.837	819.880	740.133	640.862	26
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		741.114	605.388	-	69.931	43.215	315.843	225.009	-	107.666	208.177	34.291	62.000	56.457	4.300	51.129	5
<i>a</i>	<i>Các dự án đã quyết toán</i>		<i>77.367</i>	<i>49.607</i>	-	<i>69.931</i>	<i>43.215</i>	<i>6.359</i>	<i>4.291</i>	-	<i>2.068</i>	<i>4.291</i>	<i>4.291</i>	-	-	-	-	<i>2</i>
<i>a.1</i>	<i>Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021</i>		<i>77.367</i>	<i>49.607</i>	-	<i>69.931</i>	<i>43.215</i>	<i>6.359</i>	<i>4.291</i>	-	<i>2.068</i>	<i>4.291</i>	<i>4.291</i>	-	-	-	-	<i>2</i>
	- Xây dựng đường gom Quốc lộ 10 đoạn từ Cung thể thao đến trụ sở Công an tỉnh, thành phố Nam Định	597 (27/3/2017) 1670 (09/8/2018)	33.005	18.205	1049 (17/5/21)	27.860	18.205	205	205	-	-	205	205	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường nối từ QL21A (Cầu Ốc) đến QL21B	2675 (03/12/2019)	44.362	31.402	2117 (01/10/21)	42.071	25.010	6.154	4.086	-	2.068	4.086	4.086	-	-	-	-	1
<i>b</i>	<i>Các dự án hoàn thành chưa quyết toán</i>		<i>611.334</i>	<i>503.368</i>	-	-	-	<i>274.056</i>	<i>185.290</i>	-	<i>105.598</i>	<i>168.458</i>	<i>23.000</i>	<i>62.000</i>	<i>56.457</i>	<i>4.300</i>	<i>22.701</i>	<i>2</i>
	- Xây dựng tuyến đường trục trung tâm phía Nam thành phố Nam Định, (đoạn nối từ Tỉnh lộ 490C đến vị trí giao với đường dẫn cầu Tân Phong)	1768 (29/8/2016) 1408 (08/7/19) 3129 (30/12/20) 2785 (20/12/21) 2734 (29/12/23)	392.162	363.196				38.252	28.286	-	9.966	28.286	-	-	5.415	4.000	18.871	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng đường gom Quốc lộ 10, đoạn từ đường trục Lộc Vương đến đường Phủ Nghĩa, thành phố Nam Định	2301 (16/9/20) 1485 (13/7/21) 2734 (29/12/23) 2424 (06/11/24)	219.172	140.172				235.804	157.004	-	95.632	140.172	23.000	62.000	51.042	300	3.830	1
c	Các dự án chuyển tiếp		52.413	52.413	-	-	-	35.428	35.428	-	-	35.428	7.000	-	-	-	28.428	1
	- Xây dựng kè và đường dạo hồ Hàng Nạn, thành phố Nam Định	2606 (31/12/14) 26 (10/01/19) 2863 (27/12/21) 1043 (15/5/24)	52.413	52.413				35.428	35.428	-	-	35.428	7.000	-	-	-	28.428	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		3.535.506	3.177.371	-	50.716	39.436	3.383.119	3.638.124	60.000	842.193	2.600.926	1.100	510.837	763.423	735.833	589.733	21
a	Các dự án đã quyết toán		55.161	43.899	-	50.716	39.436	58.290	40.922	-	18.854	39.436	-	23.000	13.244	3.192	-	2
a.3	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023		25.171	25.021	-	22.194	22.044	28.300	22.044	-	6.256	22.044	-	13.000	9.044	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp hệ đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Trần Nhân Tông), thành phố Nam Định	2868 (28/12/21)	25.171	25.021	2063 (19/10/23)	22.194	22.044	28.300	22.044	-	6.256	22.044	-	13.000	9.044	-	-	1
a.4	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2024		29.990	18.878	-	28.522	17.392	29.990	18.878	-	12.598	17.392	-	10.000	4.200	3.192	-	1
	- Xây dựng, cải tạo Trường tiểu học Nguyễn Việt Xuân, thành phố Nam Định	2544 (26/11/21)	29.990	18.878	2738 (29/12/23)	28.522	17.392	29.990	18.878	-	12.598	17.392	-	10.000	4.200	3.192	-	1
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		331.345	274.333	-	-	-	331.770	274.333	-	57.437	274.333	1.100	23.000	151.092	55.600	43.541	4
	- Xây dựng, cải tạo quảng trường Hòa Bình thành phố Nam Định	971 (26/5/22)	80.000	64.900				80.000	64.900	-	15.100	64.900	-	-	46.092	15.800	3.008	1
	- Xây dựng, cải tạo Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái, thành phố Nam Định	1594 (29/7/21) 2318 (21/11/23)	35.270	34.170				35.270	34.170	-	1.100	34.170	1.100	3.000	15.000	9.300	5.770	1
	- Xây dựng Trường Tiểu học phường Cửa Nam tại khu đô thị mới phía Nam sông Đào, thành phố Nam Định	2663 (10/12/21)	93.763	73.063				94.000	73.063	-	20.937	73.063	-	20.000	30.000	9.500	13.563	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng, cải tạo kín hóa tuyến thoát nước kênh Gia đoạn từ đường Phạm Ngũ Lão đến đường Trần Huy Liệu, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định	909 (13/5/22)	122.312	102.200				122.500	102.200	-	20.300	102.200	-	-	60.000	21.000	21.200	1
c	Các dự án chuyển tiếp		2.699.000	2.499.139	-	-	-	2.699.000	2.499.139	-	471.843	2.227.157	-	464.837	599.087	666.141	497.092	2
	- Xây dựng đường trục phía Nam thành phố Nam Định, (đoạn từ đường Vũ Hữu Lợi đến Quốc lộ 21B)	724 (15/4/21) 2592 (26/11/24)	1.499.000	1.398.800				1.499.000	1.398.800	-	300.200	1.198.800	-	196.837	264.391	375.141	362.431	1
	- Xây dựng cầu qua sông Đào nối từ đường Song Hào đến đường Vũ Hữu Lợi, thành phố Nam Định	619 (28/3/22)	1.200.000	1.100.339				1.200.000	1.100.339	-	171.643	1.028.357	-	268.000	334.696	291.000	134.661	1
d	Các dự án khởi công mới		450.000	360.000	-	-	-	-	360.000	60.000	-	60.000	-	-	-	10.900	49.100	2
	- Cải tạo, nâng cấp đường Trần Nhân Tông và đường Song Hào (đoạn từ đường Trần Nhật Duật đến cầu qua sông Đào), thành phố Nam Định	33/NQ-HĐND (24/4/23)	150.000	120.000					120.000	60.000	-	60.000	-	-	-	10.900	49.100	1
	Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025									-	-							
	- Xây dựng khu chung cư phục vụ di dời các nhà chung cư cũ trên địa bàn thành phố Nam Định		300.000	240.000					240.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
e	Các dự án chuẩn bị đầu tư (Thành phố chủ động bố trí vốn CBDT. Trong đó: Danh mục dự án, Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của các dự án là số liệu dự kiến tại thời điểm báo cáo, được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)							294.059	463.730	-	294.059	-	-	-	-	-	-	11
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Địch Lễ, phường Nam Vân, thành phố Nam Định	119/NQ-HĐND (03/11/23) 171/NQ-HĐND (10/12/24)	120.000						96.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung phường Nam Vân, thành phố Nam Định (Tên cũ: Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Vân, thành phố Nam Định)	106/NQ-HĐND (29/8/23) 171/NQ-HĐND (10/12/24)	219.000					-	175.200	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung phường Lộc Hòa và phường Lộc Vương, thành phố Nam Định	107/NQ-HĐND (29/8/23)	200.000						80.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Hùng Vương, phường Nam Phong, thành phố Nam Định	118/NQ-HĐND (03/11/23) 171/NQ-HĐND (10/12/24)	190.000					76.500										1
	- Xây dựng trường mầm non Sao Vàng thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	85/NQ-HĐND (23/8/24)	98.000					31.030										1
	- Xây dựng Trường THCS tại phường Lộc Vương, thành phố Nam Định	TB182 (01/8/24)	144.000															1
	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp cống thoát nước từ đường Hàng Thao đến Kênh Gia, thành phố Nam Định	TB280 (03/12/24)	247.000															1
	- Xây dựng, cải tạo các công viên khu vực đường Trần Phú (từ đường Tô Hiệu đến đường Trần Hưng Đạo), thành phố Nam Định		190.000															1
	- Cải tạo, nâng cấp trung tâm y tế thành phố Nam Định		100.000															1
	- Xây dựng đường gom Quốc lộ 10, đoạn từ đường Phù Nghĩa đến Đại lộ Thiên Trường, thành phố Nam Định		455.000															1
	- Xây dựng trụ sở thành ủy - HĐND - UBND thành phố Nam Định	TB119 (27/7/2020)	510.000					294.059	5.000	-	294.059							1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn							26.512	15.714	-	10.798	15.714	15.714					-
1.2	HUYỆN MỸ LỘC (Cũ)		951.618	853.627	-	166.650	156.881	680.386	797.676	196.569	158.871	718.084	143.193	-	114.001	128.220	332.670	28
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		363.726	362.874	-	-	-	260.108	246.652	11.294	40.770	230.632	16.750	-	23.815	16.907	173.160	6
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		363.726	362.874	-	-	-	260.108	246.652	11.294	40.770	230.632	16.750	-	23.815	16.907	173.160	6
b	<i>Các dự án hoàn thành chưa quyết toán</i>		32.826	32.716	-	-	-	29.157	32.716	3.559	-	32.716	-	-	23.815	5.400	3.501	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 5, xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc	1908 (01/9/21) 1057 (30/5/23) 1741 (16/8/24) 2409 (05/11/24)	32.826	32.716				29.157	32.716	3.559	-	32.716	-	-	23.815	5.400	3.501	1
c	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		120.000	119.598	-	-	-	25.501	33.236	7.735	-	33.236	16.750	-	-	10.665	5.821	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu đô thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc	316 (17/02/16) 1677 (15/8/2016) 2002 (14/9/2018) 1280 (28/5/20) 67 (12/01/21) 2865 (27/12/21) 2430 (27/12/22) 642 (02/4/24) 2409 (05/11/24) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	120.000	119.598				25.501	33.236	7.735	-	33.236	16.750	-	-	10.665	5.821	1
d	Các dự án khởi công mới		210.900	210.560	-	-	-	205.450	180.700	-	40.770	164.680	-	-	-	842	163.838	4
	- Xây dựng Khu dân cư tập trung xóm 3, xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc	2544 (19/12/23) 2409 (05/11/24) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	35.000	34.890				35.000	34.900	-	110	34.890	-	-	-	-	34.890	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc (giai đoạn 2)	1131 (29/5/24) 2409 (05/11/24)	51.000	50.880				45.450	50.900	-	10.450	35.000	-	-	-	842	34.158	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Thôn An Cỏ, xã Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc	2368 (28/11/23) 2409 (05/11/24)	94.900	94.790				95.000	94.900	-	210	94.790	-	-	-	-	94.790	1
	Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025									-	-							
	- Khu dân cư tập trung thôn Liễu Nha - Tam Đoàn 1 xã Mỹ Phúc		30.000	30.000				30.000		-	30.000		-	-	-	-	-	1
2	Các dự án tình quyết định đầu tư		587.892	490.753	-	166.650	156.881	304.348	425.503	175.455	118.101	361.702	87.610	-	82.586	95.796	95.710	22
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		143.565	136.066	-	137.520	130.251	15.978	15.748	-	230	15.748	11.741	-	4.007	-	-	3
a	Các dự án đã quyết toán		143.565	136.066	-	137.520	130.251	15.978	15.748	-	230	15.748	11.741	-	4.007	-	-	3
a.1	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		128.566	128.566	-	122.981	122.981	9.741	9.741	-	-	9.741	9.741	-	-	-	-	2

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thịnh - Thăng huyện Mỹ Lộc	1246 (07/6/17)	113.571	113.571	2410 (30/10/19)	109.414	109.414	9.650	9.650	-	-	9.650	9.650	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, mở rộng khuôn viên trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Mỹ Lộc	2411 (30/10/18)	14.995	14.995	15 (06/01/21)	13.567	13.567	91	91	-	-	91	91	-	-	-	-	1
a.3	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023		14.999	7.500	-	14.539	7.270	6.237	6.007	-	230	6.007	2.000	-	4.007	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Đại lộ Thiên Trường vào UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc	2972 (27/12/19) 39 (08/01/21)	14.999	7.500	878 (11/5/22)	14.539	7.270	6.237	6.007	-	230	6.007	2.000	-	4.007	-	-	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		444.327	354.687	-	29.130	26.630	288.370	409.755	175.455	117.871	345.954	75.869	-	78.579	95.796	95.710	19
a	Các dự án đã quyết toán		29.980	27.480	-	29.130	26.630	30.000	27.480	-	3.371	26.629	7.069	-	15.662	2.811	1.087	2
a.3	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023		14.990	14.990	-	14.543	14.543	15.000	14.990	-	458	14.542	7.069	-	5.662	1.811	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thịnh Khánh, huyện Mỹ Lộc	2876 (28/12/21) 2409 (05/11/24)	14.990	14.990	2736 (29/12/23)	14.543	14.543	15.000	14.990	-	458	14.542	7.069	-	5.662	1.811	-	1
a.5	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2025		14.990	12.490		14.587	12.087	15.000	12.490	-	2.913	12.087	-	-	10.000	1.000	1.087	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Hưng Lộc, huyện Mỹ Lộc (đoạn từ QL21 chợ Đặng qua UBND xã Mỹ Hưng đến cầu Đũa đi thị trấn Mỹ Lộc và tuyến nhánh)	1243 (12/7/22) 2409 (05/11/24)	14.990	12.490	2560 (21/11/24)	14.587	12.087	15.000	12.490	-	2.913	12.087	-	-	10.000	1.000	1.087	1
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		107.774	92.684	-	-	-	62.794	92.684	29.890	-	92.684	30.000	-	31.731	23.294	7.659	3
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thăng Hà, huyện Mỹ Lộc	2044 (23/9/21) 2409 (05/11/24)	62.794	62.794				62.794	62.794	-	-	62.794	30.000	-	20.500	6.052	6.242	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam đường sắt (Đoạn từ cầu Lê đến Cầu Giàng)	1939 (04/10/23) 2409 (05/11/24)	14.990	14.890					14.890	14.890	-	14.890	-	-	1.231	12.242	1.417	1
	- Nâng cấp hệ thống trạm bơm Tân Đệ và các công trình phụ trợ	1061 (30/5/23) 2409 (05/11/24)	29.990	15.000					15.000	15.000	-	15.000	-	-	10.000	5.000	-	1
c	Các dự án chuyển tiếp		163.373	162.923	-	-	-	80.576	164.976	82.347	-	162.923	38.800	-	31.186	61.191	31.746	5

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL21 tại Km134+963 đến đốc La xã Mỹ Tiến)	2062 (24/9/21) 2409 (05/11/24)	80.576	80.576				80.576	80.576	-	-	80.576	38.800	-	24.000	10.000	7.776	1
	- Nâng cấp sửa chữa đường 63B từ cây xăng xã Mỹ Hà huyện Mỹ Lộc đến công Đả, xã An Ninh, huyện Bình Lục	1922 (29/9/23) 2409 (05/11/24)	20.000	19.900					19.900	19.900	-	19.900	-	-	7.186	6.066	6.648	1
	- Cải tạo nâng cấp đường Hồng Long xã Mỹ Tân huyện Mỹ Lộc	589 (27/3/24) 2409 (05/11/24)	14.100	13.950					14.800	13.950	-	13.950	-	-	-	10.085	3.865	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Cầu Đàng xã Mỹ Hưng đến đường Thịnh Thăng huyện Mỹ Lộc	897 (26/4/24) 2409 (05/11/24)	35.000	34.900					34.900	34.900	-	34.900	-	-	-	22.897	12.003	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc	2452 (07/12/23) 509 (15/3/24) 2409 (05/11/24)	13.697	13.597					14.800	13.597	-	13.597	-	-	-	12.143	1.454	1
d	Các dự án khởi công mới		143.200	71.600	-	-	-	-	-	61.418	-	61.418	-	-	-	6.200	55.218	1
	- Xây dựng kè kênh T5 và cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thành Lộc, huyện Mỹ Lộc	TB145 (24/6/24)	143.200	71.600						61.418	-	61.418	-	-	-	6.200	55.218	1
e	Các dự án chuẩn bị đầu tư (Thành phố chủ động bỏ trí vốn CBĐT. Trong đó: Danh mục dự án, Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của các dự án là số liệu dự kiến tại thời điểm báo cáo, được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)							115.000	124.615	1.800	114.500	2.300	-	-	-	2.300	-	8
	- Nâng cấp cải tạo tuyến đường N3 sông Vĩnh Giang, thành phố Nam Định	2528/TTr-SKHĐT (19/8/24)	45.000						45.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng tuyến đường trục trung tâm huyện (giai đoạn 1)		100.000						55.415	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung thôn La Chọi, xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định	33/ND-HĐND (09/4/24) 171/NQ-HĐND (10/12/24)	98.700						500	500	-	500	-	-	-	500	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Đặng Xá, phường Hưng Lộc, thành phố Nam Định	82/NQ-HĐND (23/8/24) 171/NQ-HĐND (10/12/24)	168.300					100.000	500		99.500	500				500		1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà, thành phố Nam Định	2452 (11/11/21) 160/NQ-HĐND (09/12/23) 171/NQ-HĐND (10/12/24)	22.000					15.000	21.900		15.000							1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Đông Trung Quận, Tây Hào Quang, phường Hưng Lộc, thành phố Nam Định	TB159 (10/7/24)	56.000						500	500		500				500		1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và khu tái định cư phường Hưng Lộc, thành phố Nam Định	TB158 (10/7/24)	160.000						500	500		500				500		1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Đình, xã Mỹ Lộc, thành phố Nam Định		21.000						300	300		300				300		1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn							115.930	125.521	9.820		125.750	38.833		7.600	15.517	63.800	
III	HUYỆN Ý YÊN		1.844.716	1.213.686		273.587	237.920	862.935	1.015.245	241.532	207.169	897.298	49.610	37.348	110.549	235.263	464.528	46
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		1.017.735	668.335		34.552	34.552	465.330	513.032	146.278	144.605	467.003	4.159		51.279	137.640	273.925	24
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		148.878	148.878		34.552	34.552	51.841	47.117		11.605	40.236	4.159		29.072		7.005	3
a	Các dự án đã quyết toán		42.114	42.114		34.552	34.552	33.669	32.945		7.605	26.064	159		25.905			2
a.1	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		9.328	9.328		8.604	8.604	883	159		724	159	159					1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung phía Đông trạm Y tế xã Yên Hồng, huyện Ý Yên	2226 (11/10/18)	9.328	9.328	163/QĐ-STC (05/11/21)	8.604	8.604	883	159		724	159	159					1
a.3	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023		32.786	32.786		25.948	25.948	32.786	32.786		6.881	25.905			25.905			1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Chính, huyện Ý Yên	2764 (06/12/18) 1033 (24/5/23)	32.786	32.786	2737 (29/12/23)	25.948	25.948	32.786	32.786		6.881	25.905			25.905			1
c	Các dự án chuyển tiếp		106.764	106.764				18.172	14.172		4.000	14.172	4.000		3.167		7.005	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu đô thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	88 (13/01/16) 2766 (06/12/18) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	106.764	106.764				18.172	14.172	-	4.000	14.172	4.000	-	3.167	-	7.005	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		868.857	519.457	-	-	-	413.489	465.915	146.278	133.000	426.767	-	-	22.207	137.640	266.920	21
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		34.996	34.896	-	-	-	-	34.996	34.896	-	34.896	-	-	15.159	14.100	5.637	1
	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Yên Nhân, huyện Ý Yên	1927 (18/10/22) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	34.996	34.896				-	34.996	34.896	-	34.896	-	-	15.159	14.100	5.637	1
c	Các dự án chuyển tiếp		255.761	255.361	-	-	-	110.489	255.512	102.382	-	212.871	-	-	7.048	116.140	89.683	5
	- Xây dựng khu dân cư tập trung phía Bắc thôn An Lộc Thượng, xã Yên Hồng, huyện Ý Yên	2305 (26/10/21) 348 (06/02/24)	40.989	40.989				40.989	40.989	-	-	40.989	-	-	-	3.440	37.549	1
	- Cải tạo, nâng cấp hạ tầng các khu tái định cư xã Yên Chính, xã Yên Nghĩa (thuộc dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình giai đoạn 1 đoạn qua địa phận huyện Ý Yên)	1638 (31/7/24)	14.999	14.999					14.900	14.999	-	14.999	-	-	-	13.250	1.749	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Phương, huyện Ý Yên	2212 (06/11/23)	92.743	92.533				28.500	92.693	21.543	-	50.043	-	-	-	25.000	25.043	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Cường, huyện Ý Yên	1849 (20/9/23)	82.030	81.980				41.000	81.980	40.980	-	81.980	-	-	7.048	52.450	22.482	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung An Tổ, xã Yên Bình, huyện Ý Yên	2486 (12/12/23)	25.000	24.860				-	24.950	24.860	-	24.860	-	-	-	22.000	2.860	1
d	Các dự án khởi công mới		578.100	229.200	-	-	-	303.000	175.407	9.000	133.000	179.000	-	-	7.400	171.600	15	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Thụy Quang, xã Yên Lương, huyện Ý Yên	2034 (30/9/24)	30.000	30.000				35.000	30.000	-	5.000	30.000	-	-	-	6.200	23.800	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung thôn Ba Trại, xã Phú Hưng, huyện Ý Yên	86/NQ-HĐND (06/7/22)	37.400	37.400				31.000	27.000	-	4.000	27.000	-	-	-	300	26.700	1
	- Xây dựng hạ tầng khu tái định cư và khu dân cư tập trung Cầu Cỏ (thuộc OM9) xã Hồng Quang, huyện Ý Yên (Tên cũ: Xây dựng hạ tầng khu tái định cư và khu dân cư tập trung Cầu Cỏ (thuộc OM9) xã Yên Bằng, huyện Ý Yên)	13/NQ-HĐND (13/3/24) 558/BC- UBND huyện (24/10/24)	90.000	90.000				53.000	49.407	9.000	-	62.000	-	-	-	300	61.700	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án		
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025	
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung phía Đông thôn Phúc Chí, phía Tây trường mầm non Yên Thắng khu A, xã Yên Thắng, huyện Ý Yên	15/NQ-HĐND (13/3/24)	33.000	33.000				29.000	20.000		1.000	28.000					300	27.700	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Thiện Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Ý Yên	14/NQ-HĐND (13/3/24)	38.800	38.800				35.000	20.000		3.000	32.000					300	31.700	1
	Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025																		
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Thọ 2		20.000					-	-		-	-					-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Dương 2		14.900					12.000	-		12.000						-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Tường Hạc xã Yên Tri, huyện Ý Yên	TB63 (15/3/24) 1353 (05/11/24)	25.000						25.000		-	-					-	-	1
	- Khu dân cư tập trung thị trấn Lâm		48.000					48.000			48.000						-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Phong		48.000					48.000			48.000						-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Hồng		12.000					12.000			12.000						-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng mở rộng khu dân cư tập trung xã Yên Nghĩa, huyện Ý Yên		34.000						500		-	-					-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng mở rộng khu dân cư tập trung xã Yên Nhân, huyện Ý Yên		76.500						500		-	-					-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Yên Trung, huyện Ý Yên		68.000						500		-	-					-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp hạ tầng các khu tái định cư xã Yên Hồng (Thuộc dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình giai đoạn 1 đoạn qua địa phận huyện Ý Yên)		2.500						2.500		-	-					-	-	1
2	Các dự án tình quyết định đầu tư		826.981	545.351				293.342	319.907		19.000	62.564	249.778	22.908	11.000	33.020	71.567	111.283	22
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		740.981	459.351				252.142	214.907			21.964	230.178	22.908	11.000	33.020	69.882	93.368	6
a	Các dự án đã quyết toán		252.735	216.339				118.365	105.874			16.806	101.559	22.908	11.000	33.020	34.631		4
a.3	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023		40.500	24.650				5.850	1.492			4.358	1.492			992			1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Chính - Phong, huyện Ý Yên	1131 (01/6/18) 2910 (19/12/18) 1959 (27/10/22)	40.500	24.650		2406 (22/12/22)	39.735	23.992	5.850	1.492		4.358	1.492		500		992		1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
a.4	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2024		212.235	191.689	-	199.300	179.376	112.515	104.382	-	12.448	100.067	22.408	11.000	32.028	34.631	-	3
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Cát Đằng đến thị trấn Lâm (Quốc lộ 38B) huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	1153 (26/5/17) 948 (19/5/22)	25.927	25.927	2068 (20/10/23) 1899 (04/9/24)	22.371	22.371	6.977	6.977	-	3.556	3.421	-	-	-	3.421	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Lương - Trì, huyện Ý Yên	2275 (17/10/18) 1171 (20/5/20)	145.215	145.215	2801 (21/12/21)	137.082	137.082	101.615	93.482	-	8.714	92.901	22.408	11.000	28.500	30.993	-	1
	- Cứng hóa mặt đê bồi sông Đáy xã Yên Trì, Yên Đồng và Yên Nhân	3011 (25/12/17)	41.093	20.547	2994 (30/12/19)	39.847	19.923	3.923	3.923	-	178	3.745	-	-	3.528	217	-	1
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		121.246	116.228	-	-	-	18.749	18.249	-	500	18.249	-	-	-	3.251	14.998	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Thành - Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	2834 (08/12/16) 1633 (03/8/18) 629 (29/3/19) 1262 (15/7/22) 1756 (19/8/24)	121.246	116.228				18.749	18.249	-	500	18.249	-	-	-	3.251	14.998	1
c	Các dự án chuyển tiếp		367.000	126.784	-	-	-	115.028	90.784	-	4.658	110.370	-	-	-	32.000	78.370	1
	- Xây dựng tuyến đường huyện nối từ đê Tà Đáy đến đường 57B huyện Ý Yên	1755 (21/7/20) 2370 (02/11/21) 921 (17/5/22) 227 (03/2/23) 401 (23/02/24) 1029 (13/5/24) 167/NQ-HĐND (10/12/24)	367.000	126.784				115.028	90.784	-	4.658	110.370	-	-	-	32.000	78.370	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		86.000	86.000	-	-	-	41.200	105.000	19.000	40.600	19.600	-	-	-	1.685	17.915	16
c	Các dự án chuyển tiếp		19.000	19.000	-	-	-	-	19.000	19.000	-	19.000	-	-	-	1.085	17.915	1
	- Xây dựng cầu Thông xã Yên Trung, huyện Ý Yên	1132 (29/5/24)	19.000	19.000					19.000	19.000	-	19.000	-	-	-	1.085	17.915	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
d	Các dự án khởi công mới		67.000	67.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2
	<i>Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025</i>																	
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Yên Bằng-Yên Khang, đoạn từ đê Tả Đáy đến UBND xã Yên Khang		46.000	46.000														1
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Yên Nghĩa, đoạn từ đường TL.485 đến đường Thành Xá (qua UBND xã Yên Nghĩa)		21.000	21.000														1
e	Các dự án chuẩn bị đầu tư (Huyện chủ động bố trí vốn CBDT. Trong đó: Danh mục dự án, Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của các dự án là số liệu dự kiến tại thời điểm báo cáo, được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)							41.200	86.000	-	40.600	600	-	-	-	600	-	13
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Gò Gai, xã Yên Khánh, huyện Ý Yên	102/NQ-HĐND (20/9/24)	59.500					29.200	59.500	-	28.900	300	-	-	-	300	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xứ đồng Mã Cồ thuộc thôn Mai Độ Vi, xã Tân Minh, huyện Ý Yên	TB141 (24/6/24)	45.000					12.000	25.000	-	11.700	300	-	-	-	300	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu tái định cư và khu dân cư tập trung Lam Sơn, xã Phú Hưng, huyện Ý Yên	TB277 (03/12/24)	85.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Đò Quan, xã Yên Khang, huyện Ý Yên		61.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng tái định cư và khu dân cư tập trung Phúc Sơn, xã Trung Nghĩa, huyện Ý Yên		72.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu tái định cư và khu dân cư tập trung Đông Bông, thôn Đông Hưng, xã Yên Thọ, huyện Ý Yên		89.000						-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung thôn Phương Nhi, xã Tân Minh, huyện Ý Yên		56.000						-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo nâng cấp đường liên xã Cường Nhân đoạn từ đường 57B đến đường trục xã Yên Nhân		35.000						-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Yên Nhân - Yên Đồng, đoạn từ đường 37B đến trạm bơm Vĩnh Trị		75.000						-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã kết nối từ khu dân cư tập trung xã Phú Hưng đến đường Chính Phong		20.000						-	-	-	-	-	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo nâng cấp đường xã Yên Bình, đoạn từ QL37B đến đường Thành Xá		23.000							-	-							1
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Yên Lương đoạn từ công trường Thủy Nội đến đường Lương Tri.		26.000							-	-							1
	- Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đường 38B và sửa chữa một số cầu qua sông S40 đoạn từ ngã ba Cát Đằng đến ngã tư Phố Cháy		20.000							-	-							1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn							104.263	182.306	76.254	-	180.517	22.543	26.348	26.250	26.056	79.320	
	<i>Trong đó:</i>									-	-							
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Nghĩa, huyện Ý Yên	4141 (30/5/19) (UBND huyện)	9.894	9.894		9.270	8.983	9.894	9.894	-	911	8.983	-	-	8.303	680	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Dương huyện Ý Yên	2052 (06/5/20) (UBND huyện)	9.814	9.814				9.814	9.814	-	-	9.814	-	8.217	90	-	1.507	1
	- San lấp, xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực xóm Đông Thịnh xã Yên Tiến (giáp đường 57B) để đầu tư quyền sử dụng đất năm 2015 cho nhân dân làm nhà ở	7388 (09/10/18) 8851A (29/11/21) UBND huyện	8.561	8.561				7.253	8.561	1.308	-	8.561	4.337	-	600	-	3.624	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Phương, huyện Ý Yên	10206 (30/12/20) (UBND huyện)	9.994	9.987		5472 (30/6/22) (UBND huyện)	9.398	9.391	9.994	9.391	-	603	8.221	1.170	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng điểm dân cư thôn Thọ Cách, xã Yên Thọ, huyện Ý Yên	1063 (05/2/21) (UBND huyện)	8.597	8.597		10055 (26/12/22) (UBND huyện)	8.034	8.026	8.597	8.026	-	571	8.026	7.402	624	-	-	1
IV	HUYỆN VỤ BẢN		3.084.399	3.042.899				2.986.518	2.374.499	345.865	1.298.496	2.033.887	227.762	237.847	139.286	516.477	912.515	65
1	Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		2.068.202	2.068.202				1.741.221	1.031.605	172.379	902.685	1.010.915	39.803	117.699	6.883	221.500	625.030	39
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		395.368	395.368				194.971	175.875	-	19.160	175.811	39.803	117.699	6.883	-4.548	15.974	6
a	Các dự án đã quyết toán		261.399	261.399				61.002	41.906	-	19.160	41.842	39.803	2.039	-	-	-0	5
a.1	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		34.190	34.190				31.867	31.867	-	64	31.803	31.803	-	-	-	-	3
	- Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư tập trung xã Tân Thành, huyện Vụ Bản	1095 (28/5/2019)	14.093	14.093		1030 (13/5/21)	12.645	12.645	12.645	12.645	-	20	12.625	12.625	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư tập trung xã Đại An, huyện Vụ Bản	41 (5/1/2019)	14.007	14.007	1028 (13/5/21)	13.572	13.572	13.572	13.572	-	34	13.538	13.538	-	-	-	-	1
	- Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư nông thôn xã Hiến Khánh, huyện Vụ Bản	599 (26/3/2019)	6.090	6.090	82/QĐ-STC (22/4/21) 100/QĐ-STC (04/6/21)	5.650	5.650	5.650	5.650	-	10	5.640	5.640	-	-	-	-	1
a.2	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022		227.209	227.209	-	197.977	197.977	29.135	10.039	-	19.096	10.039	8.000	2.039	-	-	-0	2
	- Xây dựng khu đô thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản	334 (17/02/17)	111.281	111.281	2063 (24/9/21)	101.145	101.145	6.108	6.108	-	-	6.108	6.000	108	-	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Thành Lợi, huyện Vụ Bản	2326 (17/10/17) 538 (22/3/19) 717 (05/4/21)	115.928	115.928	2933 (31/12/21)	96.832	96.832	23.027	3.931	-	19.096	3.931	2.000	1.931	-	-	-0	1
c	Các dự án chuyển tiếp		133.969	133.969	-	-	-	133.969	133.969	-	-	133.969	-	115.660	6.883	-4.548	15.974	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trung Thành, huyện Vụ Bản	696 (02/4/19) 1031 (24/5/23) 19 (05/01/24) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	133.969	133.969				133.969	133.969	-	-	133.969	-	115.660	6.883	-4.548	15.974	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.672.834	1.672.834	-	-	-	1.546.250	855.730	172.379	883.525	835.104	-	-	-	226.048	609.056	33
c	Các dự án chuyển tiếp		267.374	267.374	-	-	-	212.900	288.000	56.529	2.055	267.374	-	-	-	154.848	112.526	5
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Đại Thắng huyện Vụ Bản	1699 (09/8/24)	50.000	50.000				32.200	50.000	17.800	-	50.000	-	-	-	35.000	15.000	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Quang Trung, huyện Vụ Bản	1698 (09/8/24)	48.394	48.394				40.500	50.000	7.894	-	48.394	-	-	-	35.000	13.394	1
	- Xây dựng Khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng huyện Vụ Bản (Đông Thuần Khả Chính, đông Sóng Đông Lạc)	1571 (26/7/24)	38.445	38.445				40.500	50.000	-	2.055	38.445	-	-	-	37.548	897	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Cửa Chùa Tứ Giáp xã Liên Minh huyện Vụ Bản	1732 (14/8/24)	62.713	62.713				32.200	65.000	30.513	-	62.713	-	-	-	45.000	17.713	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản	1572 (26/7/24)	67.822	67.822				67.500	73.000	322	-	67.822	-	-	-	2.300	65.522	1
d	Các dự án khởi công mới		1.405.460	1.405.460	-	-	-	1.333.350	567.730	115.850	881.470	567.730	-	-	-	71.200	496.530	28

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Vĩnh Hào, huyện Vụ Bản	2427 (06/11/24)	88.000	88.000				67.500	88.000	20.500	-	88.000	-	-	-	300	87.700	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản	2124 (11/10/24)	34.730	34.730				134.865	34.730	-	100.135	34.730	-	-	-	300	34.430	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Liên Bảo, xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản (thôn Đắc Lực)	23/NQ-HĐND (24/4/23) 172/NQ-HĐND (10/12/24)	50.000	50.000				40.500	50.000	9.500	-	50.000	-	-	-	35.000	15.000	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Chằm Cà Tân Khánh, xã Minh Tân, huyện Vụ Bản	28/NQ-HĐND (24/4/23) 172/NQ-HĐND (10/12/24)	50.000	50.000				40.500	50.000	9.500	-	50.000	-	-	-	35.000	15.000	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Kim Thái huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	35/NQ-HĐND (26/4/22) 58/NQ-HĐND (24/4/23)	170.000	170.000				135.000	170.000	35.000	-	170.000	-	-	-	300	169.700	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	34/NQ-HĐND (26/4/22) 59/NQ-HĐND (24/4/23)	175.000	175.000				133.650	175.000	41.350	-	175.000	-	-	-	300	174.700	1
	Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025									-	-							
	- Khu dân cư tập trung khu Đồng Lại xã Tân Thành huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		67.500	67.500				53.700		-	53.700	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung thôn Thiện Vinh xã Cộng Hòa huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		67.500	67.500				53.700		-	53.700	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung Tây Trung Đồng xã Minh Thuận huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Phú Lão)		60.750	60.750				60.750		-	60.750	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung Vườn Hè, Ao Quan, Mã quan xã Trung Thành huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Chùa, Quế, Nhi)		55.350	55.350				55.350		-	55.350	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung Ngòi Ngay xã Thành Lợi huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Rộc Nam, Đông Cát)		54.000	54.000				54.000		-	54.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung khu Đồng Ngoại Dư Duệ xã Tam Thanh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		54.000	54.000				43.000		-	43.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Đại Thắng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (khu Điện Biên)		40.500	40.500				40.500		-	40.500	-	-	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Khu dân cư tập trung xóm Bến, Trại trại xã Thành Lợi huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Cánh đồng Cốc 1)		40.500	40.500				40.500		-	40.500	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Liên Bảo huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Trinh Xuyên)		40.500	40.500				40.500		-	40.500	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Tân Thành huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Khu Đồng Cói)		33.750	33.750				33.750		-	33.750	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung Hậu Xá xã Hợp Hưng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (làng Nội Chẽ)		33.750	33.750				33.750		-	33.750	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung khu Đồng Cầu thôn Hoàng xã Minh Tân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		33.750	33.750				26.700		-	26.700	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung An Hưng xã Đại An huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (thôn An Hưng)		29.565	29.565				29.565		-	29.565	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung Đồng Cốc, sau Chính xã Trung Thành huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Chính)		27.000	27.000				27.000		-	27.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung Láng 1 xã Quang Trung huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		24.300	24.300				19.300		-	19.300	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Đại An huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Khu Đại Đê)		20.250	20.250				20.250		-	20.250	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Liên Minh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Đội 1 xóm Thượng)		67.500	67.500				67.500		-	67.500	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Đại An huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		28.000	28.000				28.000		-	28.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung Tổ dân phố Tây Côi Sơn Thị trấn Gôi huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		19.035	19.035				19.035		-	19.035	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung thôn Mỹ Côi Thị trấn gôi huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		14.445	14.445				11.500		-	11.500	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung khu Bắc làng Đồng Lương xã Tân Khánh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		13.500	13.500				10.700		-	10.700	-	-	-	-	-	-	1
	- Điểm dân cư tập trung Xóm Cầu xã kim Thái huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Cửa Tước xóm Cầu) (đất xen kẹt giữa các KDC nên không mở rộng được diện tích)		12.285	12.285				12.285		-	12.285	-	-	-	-	-	-	1
2	Các dự án tình quyết định đầu tư		1.016.197	974.697	-	371.842	362.842	832.911	987.309	173.486	395.297	611.100	101.299	81.641	77.757	177.912	172.491	26

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		530.601	522.601	-	342.726	334.726	339.479	316.457	3.606	28.403	314.682	87.073	78.453	65.955	53.673	29.528	9
a	Các dự án đã quyết toán		374.830	366.830	-	342.726	334.726	183.708	160.686	3.606	28.403	158.911	77.073	48.453	32.698	687	-0	8
a.1	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		150.250	142.250	-	144.064	136.064	24.338	18.460	-	5.883	18.455	18.455	-	-	-	-	3
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vĩnh Hào - Yên Lương	3062 (27/12/17)	14.900	9.900	2561 (18/11/19)	14.763	9.763	4.463	4.463	-	-	4.463	4.463	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Hiền Khánh - Minh Thuận huyện Vụ Bản	2854 (14/12/18) 1598 (05/8/19)	14.999	11.999	2564 (18/11/19)	14.828	11.828	6.524	6.524	-	5	6.519	6.519	-	-	-	-	1
	- Xây dựng, nâng cấp đường nối QL21 đi QL38B đến Tỉnh lộ 486B, huyện Vụ Bản	2467 (31/10/16) 716 (05/4/21)	120.351	120.351	2723 (14/12/21)	114.473	114.473	13.351	7.473	-	5.878	7.473	7.473	-	-	-	-	1
a.2	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022		130.595	130.595	-	108.563	108.563	84.890	63.858	686	21.718	63.858	36.618	27.240	-	-	-0	2
	- Cải tạo, nâng cấp đường Trung Thành - Cộng Hòa huyện Vụ Bản	1704 (14/8/19)	14.991	14.991	2932 (31/12/21)	14.677	14.677	9.268	9.954	686	-	9.954	5.406	4.548	-	-	-0	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Cầu Họ - Hạnh Lâm huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	1143 (04/6/18) 715 (05/4/21)	115.604	115.604	2643 (07/12/21)	93.886	93.886	75.622	53.904	-	21.718	53.904	31.212	22.692	-	-	0	1
a.3	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023		78.992	78.992	-	75.419	75.419	63.487	66.688	2.233	802	64.918	15.000	18.000	31.918	-	-	2
	- Xây dựng tuyến đường Khá Chính - Bối Xuyên kéo dài, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	1542 (30/6/20) 1756 (21/9/22)	59.000	59.000	2590 (25/12/23)	57.228	57.228	48.495	52.497	2.233	-	50.728	13.000	15.000	22.728	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ đường Hùng Vương đến đê bồi Đông Tâm phục vụ cứu hộ, cứu nạn và phòng chống lụt bão thuộc địa phận xã Đại Thắng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	233 (03/02/20) 1932 (19/10/22)	19.992	19.992	1865 (21/9/23)	18.191	18.191	14.992	14.191	-	802	14.190	2.000	3.000	9.190	-	-	1
a.5	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2025		14.993	14.993	-	14.680	14.680	10.993	11.680	687	-	11.680	7.000	3.213	780	687	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn Rặng Đũa xã Tân Thành, huyện Vụ Bản	115 (13/01/20) 1082 (07/5/20) 1149 (01/6/21)	14.993	14.993	2065 (19/10/23)	14.680	14.680	10.993	11.680	687	-	11.680	7.000	3.213	780	687	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
<i>c</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		155.771	155.771	-	-	-	155.771	155.771	-	-	155.771	10.000	30.000	33.257	52.986	29.528	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Tân Khánh - Liên Bảo, huyện Vụ Bản.	1686 (14/7/20) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	155.771	155.771				155.771	155.771	-	-	155.771	10.000	30.000	33.257	52.986	29.528	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		485.596	452.096	-	29.116	28.116	493.432	670.852	169.880	366.894	296.418	14.226	3.188	11.802	124.239	142.963	17
<i>a</i>	<i>Các dự án đã quyết toán</i>		29.989	28.989	-	29.116	28.116	28.989	28.117	-	873	28.116	14.226	3.188	10.702	-	-0	2
<i>a.3</i>	<i>Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023</i>		29.989	28.989	-	29.116	28.116	28.989	28.117	-	873	28.116	14.226	3.188	10.702	-	-0	2
	- Cải tạo, nâng cấp kênh T5-2b và T5-2b-3 thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản	2376 (03/11/21)	14.990	14.990	2375 (19/12/22)	14.608	14.608	14.990	14.609	-	382	14.608	5.226	3.188	6.194	-	-0	1
	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản	1015 (11/5/21)	14.999	13.999	2548 (30/12/22)	14.508	13.508	13.999	13.508	-	491	13.508	9.000	-	4.508	-	-	1
<i>c</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		355.607	323.107	-	-	-	99.000	323.107	168.380	2.078	265.302	-	-	1.100	121.239	142.963	7
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Hiền Khánh - Tân Khánh, huyện Vụ Bản	2296 (12/12/22)	96.922	96.922				99.000	96.922	-	2.078	96.922	-	-	500	55.000	41.422	1
	- Thâm bêtông nhựa đường trục huyện nối Quốc lộ 21 đi Quốc lộ 38B đến Tỉnh lộ 486B, mở rộng cầu Khá Chính, cầu Đồng Lạc và xử lý vượt nối tuyến nhánh huyện Vụ Bản	2521 (15/12/23)	30.000	30.000					30.000	30.000	-	30.000	-	-	200	10.000	19.800	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xã Vinh Hào đoạn từ đường huyện Chợ Lội - Đại Thắng đến cầu Xi, huyện Vụ Bản	2286 (15/11/23)	45.685	45.685					45.685	45.685	-	45.685	-	-	200	15.000	30.485	1
	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục xã Minh Tân, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	1392 (02/7/24)	65.000	32.500					32.500	20.000	-	20.000	-	-	-	5.000	15.000	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xã Trung Thành từ Quốc lộ 38B đến đường huyện Chợ Lội - Đại Thắng, huyện Vụ Bản	438 (01/3/24)	58.000	58.000					58.000	30.695	-	30.695	-	-	-	15.000	15.695	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ trung tâm xã Liên Minh đến thôn Hồ Sơn, đầu nối với tuyến đường từ đường Chợ Lội - Đại Thắng đến Quốc lộ 37B, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	2360 (31/10/24)	30.000	30.000					30.000	12.000	-	12.000	-	-	-	7.000	5.000	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng đường từ xã Hiền Khánh đến xã Hợp Hưng đoạn từ Tỉnh lộ 486B đến đền thờ bà Mai Hồng, huyện Vụ Bản	2096 (24/10/23)	30.000	30.000					30.000	30.000	-	30.000	-	-	200	14.239	15.561	1
d	Các dự án khởi công mới		100.000	100.000	-	-	-	149.443	-	-	149.443	-	-	-	-	-	-	1
	<i>Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025</i>																	
	- Dự án Xây dựng khu phức hợp công viên cây xanh - nhà ở đô thị Thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		100.000	100.000														1
	- Các công trình KCM phục vụ các mục tiêu phát triển KTXH của huyện trong giai đoạn 2022-2025							149.443			149.443							
e	Các dự án chuẩn bị đầu tư (Huyện chủ động bố trí vốn CBBT. Trong đó: Danh mục dự án, Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của các dự án là số liệu dự kiến tại thời điểm báo cáo, được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)							216.000	319.628	1.500	214.500	3.000	-	-	-	3.000	-	7
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Mã Vũ, Hà Kiệu, xã Minh Tân, huyện Vụ Bản	149/NQ-HĐND (09/12/23)	50.000					40.500	50.000	-	40.200	300	-	-	-	300	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Minh Thuận, xã Minh Tân, huyện Vụ Bản (Cửa Đường Thôn Phú Lão)	148/NQ-HĐND (09/12/23) 172/NQ-HĐND (10/12/24)	80.000					67.500	80.000	-	67.200	300	-	-	-	300	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ xã Liên Minh đi xã Kim Thái đến cụm công nghiệp xã Trung Thành huyện Vụ Bản	87/NQ-HĐND (23/8/24)	200.000						6.628	500	-	500	-	-	-	500	-	1
	- Khu dân cư tập trung Xóm Pheo xã Kim Thái huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	TB40 (29/01/24)	18.000					20.250	18.000	-	19.950	300	-	-	-	300	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Cầu Đia, Đông Trúc - Liên Phú, xã Hiền Khánh, huyện Vụ Bản	TB187 (08/8/23)	85.000					67.500	85.000	-	67.200	300	-	-	-	300	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Đồng Ngách xóm 1 xã Kim Thái huyện Vụ Bản		39.000					20.250	30.000	-	19.950	300	-	-	-	300	-	1
	- Dự án Xây dựng khu trung tâm lễ hội thuộc quần thể Phù Dầy, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		50.000						50.000	1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn							412.386	355.585	-	514	411.872	86.660	38.507	54.646	117.065	114.994	
	<i>Trong đó:</i>									-	-	-	-	-	-	-	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng hạ tầng điểm đầu giá quyền sử dụng đất dân cư khu vực Dạ Giai xóm Trung Cấp, xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản	3564 (29/10/20) (UBND huyện)	1.176	1.176	200/QĐ-UBND (29/01/21)	1.112	1.112	1.112	1.112	-	-	1.112	1.112	-	-	-	-	1
V	HUYỆN NAM TRỰC		1.551.919	1.361.211	-	221.325	167.133	1.094.145	1.449.192	546.144	197.244	1.443.044	290.727	62.436	250.074	405.702	434.106	62
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		708.008	707.808	-	73.382	73.382	498.977	614.187	170.080	49.423	619.634	112.153	-	83.704	227.019	196.758	25
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		181.219	181.219	-	47.308	47.308	165.182	164.587	-	595	164.587	112.153	-	20.610	-	31.824	6
a	Các dự án đã quyết toán		50.290	50.290	-	47.308	47.308	34.253	33.658	-	595	33.658	32.852	-	806	-	0	4
a.1	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		35.307	35.307	-	32.852	32.852	32.969	32.852	-	117	32.852	32.852	-	-	-	-	3
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Tiến, huyện Nam Trực	2069 (24/9/2018)	29.500	29.500	2116 (01/10/21)	27.162	27.162	27.162	27.162	-	-	27.162	27.162	-	-	-	-	1
	- Xây dựng cơ sở hạ tầng để tổ chức đấu giá đất khu vực thôn Chính Trang xã Nam Thái, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	1712 (11/6/19)	2.457	2.457	2571/QĐ-UBND (24/11/20)	2.457	2.457	2.457	2.457	-	-	2.457	2.457	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng điểm dân cư canh khu dân cư Nam Dương I, huyện Nam Trực	444 (28/02/18)	3.350	3.350	3763/QĐ-UBND (24/12/21)	3.233	3.233	3.350	3.233	-	117	3.233	3.233	-	-	-	-	1
a.3	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023		14.983	14.983	-	14.456	14.456	1.284	806	-	478	806	-	-	806	-	0	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Dương	1556 (26/7/18) 239 (04/02/20)	14.983	14.983	2404 (22/12/22)	14.456	14.456	1.284	806	-	478	806	-	-	806	-	0	1
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		130.929	130.929	-	-	-	130.929	130.929	-	-	130.929	79.301	-	19.804	-	31.824	2
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực	206 (23/01/19) 2611 (27/10/20) 1370 (28/6/24)	14.678	14.678				14.678	14.678	-	-	14.678	-	-	12.757	-	1.921	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung phía Nam trụ sở UBND xã Nam Dương và san lấp mặt bằng để xây dựng TT văn hóa thể thao, huyện Nam Trực	2055 (20/9/18) 150 (18/01/21) 1526 (08/8/23) 888 (26/4/24)	116.251	116.251				116.251	116.251	-	-	116.251	79.301	-	7.047	-	29.903	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		526.789	526.589	-	26.074	26.074	333.795	449.600	170.080	48.828	455.047	-	-	63.094	227.019	164.934	19
a	Các dự án đã quyết toán		27.816	27.816	-	26.074	26.074	27.816	27.816	-	1.742	26.074	-	-	25.285	-	789	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
a.5	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2025		27.816	27.816	-	26.074	26.074	27.816	27.816	-	1.742	26.074	-	-	25.285	-	789	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Hồng, huyện Nam Trực	1433 (07/7/21) 1058 (30/5/23)	27.816	27.816	1909 (05/9/24)	26.074	26.074	27.816	27.816	-	1.742	26.074	-	-	25.285	-	789	1
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		59.965	59.965	-	-	-	59.980	59.965	-	15	59.965	-	-	37.809	12.000	10.156	3
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Đông Sơn, huyện Nam Trực	2280 (09/12/22) 1259 (13/6/24)	19.987	19.987				19.990	19.987	-	3	19.987	-	-	17.679	-	2.308	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Xối Tri xã Nam Thanh, huyện Nam Trực	1713 (30/8/23)	14.990	14.990				15.000	14.990	-	10	14.990	-	-	-	12.000	2.990	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực	2100 (10/11/22) 1472 (11/7/24)	24.988	24.988				24.990	24.988	-	2	24.988	-	-	20.130	-	4.858	1
c	Các dự án chuyển tiếp		230.018	229.818	-	-	-	88.999	236.729	141.090	271	229.818	-	-	-	164.129	65.689	7
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Lợi, huyện Nam Trực	449 (05/3/24) 2197 (22/10/24)	28.000	28.000				28.000	28.000	-	-	28.000	-	-	-	17.000	11.000	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thái, huyện Nam Trực	1653 (22/8/23) 677 (05/4/24)	19.729	19.729				20.000	19.729	-	271	19.729	-	-	-	18.000	1.729	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đồng Lư, xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực	1388 (02/7/24)	10.106	10.006				-	11.000	10.006	-	10.006	-	-	-	-	10.006	1
	- Xây dựng hạ tầng khu tái định cư, khu dân cư tập trung Nam Toàn, xã Nam Điền, huyện Nam Trực	1061 (17/5/24)	80.000	80.000				31.000	80.000	49.000	-	80.000	-	-	-	55.000	25.000	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung, khu tái định cư xã Nam Hoa, huyện Nam Trực	700 (09/4/24)	55.000	55.000				9.999	60.000	45.001	-	55.000	-	-	-	51.729	3.271	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung, khu tái định cư thôn Xối Tây, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực	716 (11/4/24)	28.000	28.000					28.000	28.000	-	28.000	-	-	-	22.400	5.600	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung khu vực ao Lò Ngói, xóm Đông Ích, xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực	1389 (02/7/24)	9.183	9.083				-	10.000	9.083	-	9.083	-	-	-	-	9.083	1
d	Các dự án khởi công mới		208.990	208.990	-	-	-	157.000	125.090	28.990	46.800	139.190	-	-	-	50.890	88.300	8

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực	40/NQ-HĐND (26/4/22)	19.000	19.000				19.000	19.000	-	-	19.000	-	-	-	-	19.000	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Hải, huyện Nam Trực	93/NQ-HĐND (02/12/21) 165/NQ-HĐND (10/12/24)	34.000	34.000				28.000	27.900	-	800	27.200	-	-	-	-	27.200	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Nội Bồi, thôn Thị, xã Hồng Quang, huyện Nam Trực	1628 (30/8/22)	14.990	14.990				10.000	14.990	4.990	-	14.990	-	-	-	12.000	2.990	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Cô Giã, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực	2125 (11/10/24)	35.000	35.000				32.000	35.000	3.000	-	35.000	-	-	-	17.890	17.110	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Nam Quang xã Hồng Quang, huyện Nam Trực	1977 (19/9/24)	28.000	28.000				22.000	28.000	6.000	-	28.000	-	-	-	21.000	7.000	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Nam Dương 4, huyện Nam Trực	TB167 (16/7/24)	15.000	15.000					200	15.000	-	15.000	-	-	-	-	15.000	1
	<i>Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025</i>																	
	- Xây dựng khu dân cư phía Đông sông Châu Thành xã Nam Cường		35.000	35.000				24.000		-	24.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung Xóm 17, xã Nghĩa An		28.000	28.000				22.000		-	22.000	-	-	-	-	-	-	1
2	Các dự án tình quyết định đầu tư		843.911	653.403	-	147.943	93.751	479.280	645.400	216.322	147.821	547.780	119.401	44.400	116.909	125.535	141.536	37
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		266.066	228.548	-	102.356	65.424	198.159	197.180	-	979	197.180	97.946	37.000	44.244	16.990	1.000	4
a	Các dự án đã quyết toán		104.076	66.558	-	102.356	65.424	46.169	45.190	-	979	45.190	30.946	5.000	9.244	-	-	3
a.1	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		14.125	14.125	-	13.970	13.970	3.736	3.736	-	-	3.736	3.736	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Nam Toàn, huyện Nam Trực	33 (09/01/18) 2539 (14/11/19)	14.125	14.125	2885 (20/12/19)	13.970	13.970	3.736	3.736	-	-	3.736	3.736	-	-	-	-	1
a.3	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023		89.951	52.433	-	88.386	51.454	42.433	41.454	-	979	41.454	27.210	5.000	9.244	-	-	2
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Tiến Minh, huyện Nam Trực	2610 (27/10/20)	14.915	14.915	767 (19/4/23)	14.523	14.523	14.915	14.523	-	392	14.523	8.210	2.000	4.313	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải huyện Nam Trực (Đoạn từ đường Vàng đến cầu Gai)	2370 (26/10/18) 248 (28/01/21) 2463 (12/11/21) 2941 (31/12/21) 1032 (24/5/23)	75.036	37.518	2160 (31/10/23)	73.863	36.931	27.518	26.931	-	587	26.931	19.000	3.000	4.931	-	-	1
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		161.990	161.990	-	-	-	151.990	151.990	-	-	151.990	67.000	32.000	35.000	16.990	1.000	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường An Thắng, huyện Nam Trực	1399 (16/9/20) 2308 (27/10/21) 1136 (09/6/23) 108 (16/01/24)	161.990	161.990				151.990	151.990	-	-	151.990	67.000	32.000	35.000	16.990	1.000	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		577.845	424.855	-	45.587	28.327	281.121	448.220	216.322	146.842	350.601	21.455	7.400	72.665	108.545	140.536	33
a	Các dự án đã quyết toán		47.025	29.535	-	45.587	28.327	31.901	28.786	5	3.542	28.364	19.455	6.400	2.498	-	11	4
a.1	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		14.990	7.495	-	14.720	7.360	7.360	7.360	-	-	7.360	7.360	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở Huyện ủy - nhà văn hóa huyện Nam Trực	776 (06/4/21)	14.990	7.495	1652 (05/8/21)	14.720	7.360	7.360	7.360	-	-	7.360	7.360	-	-	-	-	1
a.2	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022		14.990	7.495	-	14.901	7.501	7.496	7.502	5	-	7.501	7.000	501	-	-	-	1
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở HĐND - UBND huyện Nam Trực	106 (14/01/21)	14.990	7.495	880 (11/5/22)	14.901	7.501	7.496	7.502	5	-	7.501	7.000	501	-	-	-	1
a.3	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023		12.076	9.576	-	11.455	8.955	12.076	8.955	-	3.084	8.992	4.095	2.899	1.998	-	-	1
	- Xây dựng cầu Đứa, xã Hồng Quang, huyện Nam Trực	2426 (09/11/21)	12.076	9.576	2071 (20/10/23)	11.455	8.955	12.076	8.955	-	3.084	8.992	4.095	2.899	1.998	-	-	1
a.5	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2025		4.969	4.969	-	4.511	4.511	4.969	4.969	-	458	4.511	1.000	3.000	500	-	11	1
	- Xây dựng cầu và đường nối khu dân cư tập trung thôn Nội với đường trục xã Nam Thanh, huyện Nam Trực	151 (18/01/21)	4.969	4.969	110 (15/8/2024)	4.511	4.511	4.969	4.969	-	458	4.511	1.000	3.000	500	-	11	1
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		79.990	76.490	-	-	-	69.996	79.996	6.494	-	76.490	1.000	-	31.944	41.324	2.222	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp đường An Quang, huyện Nam Trực	1127 (28/5/21) 109 (16/01/24) 88/NQ-HĐND (23/8/24)	79.990	76.490				69.996	79.996	6.494	-	76.490	1.000	-	31.944	41.324	2.222	1
c	Các dự án chuyển tiếp		182.930	154.430	-	-	-	35.924	150.180	104.759	-	140.683	1.000	1.000	38.223	46.721	53.739	3
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thái Hải, huyện Nam Trực	2243 (18/10/21) 110 (16/01/24) 74/NQ-HĐND (11/7/24)	75.990	75.990				20.924	75.990	42.569	-	63.493	1.000	-	-	33.317	29.176	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nam Thanh - Nam Lợi, huyện Nam Trực	2075 (07/10/24)	57.000	28.500					24.250	27.250	-	27.250	-	-	-	7.500	19.750	1
	- Xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao huyện Nam Trực	1679 (09/8/21) 160 (19/01/24)	49.940	49.940				15.000	49.940	34.940	-	49.940	-	1.000	38.223	5.904	4.813	1
d	Các dự án khởi công mới		267.900	164.400	-	-	-	-	91.758	104.464	-	104.464	-	-	-	19.900	84.564	6
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nam Cường - Nghĩa An, huyện Nam Trực	2428 (06/11/24)	25.000	25.000					18.000	18.000	-	18.000	-	-	-	5.000	13.000	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Đồng Sơn - Nam Thái (đoạn từ ĐT490C đến đường Thái Hải)	72/NQ-HĐND (11/7/24)	26.000	26.000					500	12.206	-	12.206	-	-	-	300	11.906	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Phong Quang, huyện Nam Trực	151/NQ-HĐND (09/12/23)	70.000	35.000					28.000	28.000	-	28.000	-	-	-	7.500	20.500	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nam Hồng - Nam Thanh, huyện Nam Trực	86/NQ-HĐND (23/8/24)	67.000	33.500					27.258	30.258	-	30.258	-	-	-	7.100	23.158	1
	- Xây dựng nhà học 3 tầng 18 phòng, nhà học chức năng 2 tầng 4 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Nam Hồng, huyện Nam Trực	157/NQ-HĐND (10/12/24)	29.900	19.900						16.000	-	16.000	-	-	-	-	16.000	1
	Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025																	
	- Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 485B và đường Vàng B, huyện Nam Trực	322/TTr-SKH&ĐT (31/01/24)	50.000	25.000					18.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
e	<i>Các dự án chuẩn bị đầu tư (Huyện chủ động bố trí vốn CBDT. Trong đó: Danh mục dự án, Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của các dự án là số liệu dự kiến tại thời điểm báo cáo, được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)</i>							143.300	97.500	600	143.300	600	-	-	-	600	-	19
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Tân Thịnh 2, huyện Nam Trực	101/NQ-HĐND (20/9/24)	69.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Cường, huyện Nam Trực	08/NQ-HĐND (18/3/21) 39/NQ-HĐND (09/4/24)	49.800					49.800	500	-	49.800	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đại An, xã Nam Thắng, huyện Nam Trực	38/NQ-HĐND (26/4/22)	35.000					20.000	35.000	-	20.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm Hồng Thương, xã Nam Hồng, huyện Nam Trực	117/NQ-HĐND (09/12/22)	30.000					5.500	30.000	-	5.500	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Bình Minh, huyện Nam Trực	TB267 (08/12/21)	15.000					15.000	15.000	-	15.000	-	-	-	-	-	-	1
	-Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Tây Lạc, xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực	TB79 (28/3/24)	120.000					53.000	500	-	53.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung TT.Nam Giang, huyện Nam Trực	TB80 (28/3/24)	88.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Nam Hoa 2, huyện Nam Trực	152/NQ-HĐND (10/12/24)	58.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Hồng Quang, huyện Nam Trực	TB144 (21/6/24)	117.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Đồng Sơn 2, huyện Nam Trực	TB142 (21/6/24)	58.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Bình Minh 2, huyện Nam Trực		32.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Đông sông Châu Thành xã Nam Cường, huyện Nam Trực		35.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Phú Thịnh, xã Nam Hồng, huyện Nam Trực		45.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Nam Hải 2, huyện Nam Trực		32.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Nam Thái 2, huyện Nam Trực	TB279 (03/12/24)	48.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Nam Dương 3, huyện Nam Trực		56.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Hiền, huyện Nam Trực (5,4km)		85.000						500	300	-	300	-	-	-	300	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Giang Tiến huyện Nam Trực (3km)	343/TTr-UBND (26/9/24)	40.000						500	300	-	300	-	-	-	300	-	1
	- Xây dựng 08 cầu dân sinh kết nối đường An Quang với các khu dân cư xã Hồng Quang, huyện Nam Trực		14.900						10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn							115.888	189.605	159.742	-	275.630	59.173	18.036	49.461	53.148	95.812	
	<i>Trong đó:</i>																	
	- Xây dựng cơ sở hạ tầng để đầu tư quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở điểm dân cư tập trung khu vực ao Lân Tuyền, xóm Đại Thắng, xã Nam Mỹ	2398 (08/7/21)	2.079	2.079	751 (05/4/24)	1.812	1.812	2.079	2.079	-	267	1.812	-	-	-	1.812	-	1
	- Xây dựng hạ tầng điểm dân cư tập trung thôn Lạc Chính, xã Nam Tiến	484 (06/7/20)	6.983	6.983				6.983	6.983	-	-	6.983	-	5.529	-	-	1.454	1
VI	HUYỆN TRỰC NINH		2.328.383	2.017.581	-	135.020	135.020	1.915.735	1.625.485	500.184	891.457	1.524.462	39.801	96.922	351.321	409.250	627.168	61
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		1.171.757	1.129.757	-	14.273	14.273	795.131	523.210	240.900	479.821	556.210	2.472	11.801	38.000	219.600	284.337	24
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		175.313	175.313	-	14.273	14.273	86.174	90.153	4.700	721	90.153	2.472	11.801	38.000	21.000	16.880	3
<i>a</i>	<i>Các dự án đã quyết toán</i>		14.994	14.994	-	14.273	14.273	14.994	14.273	-	721	14.273	2.472	11.801	-	-	-0	1
<i>a.2</i>	<i>Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022</i>		14.994	14.994	-	14.273	14.273	14.994	14.273	-	721	14.273	2.472	11.801	-	-	-0	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Đại, huyện Trục Ninh	1405 (05/7/19)	14.994	14.994	2935 (31/12/21)	14.273	14.273	14.994	14.273	-	721	14.273	2.472	11.801	-	-	-0	1
<i>b</i>	<i>Các dự án hoàn thành chưa quyết toán</i>		160.319	160.319	-	-	-	71.180	75.880	4.700	-	75.880	-	-	38.000	21.000	16.880	2
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Thái, huyện Trục Ninh	414 (02/3/20) 2437 (10/11/21) 877 (26/4/24)	54.319	54.319				54.319	54.319	-	-	54.319	-	-	30.000	18.500	5.819	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu đô thị trấn Cồ Lễ huyện Trục Ninh	2612 (08/12/15) 1245 (25/5/20) 2866 (27/12/21) 874 (26/4/24)	106.000	106.000				16.861	21.561	4.700	-	21.561	-	-	8.000	2.500	11.061	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		996.444	954.444	-	-	-	708.957	433.057	236.200	479.100	466.057	-	-	-	198.600	267.457	21
<i>c</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		<i>139.057</i>	<i>97.057</i>	-	-	-	<i>139.157</i>	<i>97.057</i>	-	<i>42.100</i>	<i>97.057</i>	-	-	-	<i>79.100</i>	<i>17.957</i>	<i>3</i>
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Hùng, huyện Trục Ninh	476 (04/3/21) 2786 (20/12/21) 184 (19/01/23) 763 (19/4/23) 1464 (26/7/23) 1974 (11/10/23)	49.157	49.157				49.157	49.157	-	-	49.157	-	-	-	43.500	5.657	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Đạo, huyện Trục Ninh	2524 (18/12/23) 662 (03/4/24)	39.900	39.900				40.000	39.900	-	100	39.900	-	-	-	35.600	4.300	1
	- Xây dựng khu tái định cư và dân cư xã Phương Định, huyện Trục Ninh	2052 (23/9/2009) 401 (28/02/23) 2464 (11/11/24)	50.000	8.000				50.000	8.000	-	42.000	8.000	-	-	-	-	8.000	1
<i>d</i>	<i>Các dự án khởi công mới</i>		<i>857.387</i>	<i>857.387</i>	-	-	-	<i>569.800</i>	<i>336.000</i>	<i>236.200</i>	<i>437.000</i>	<i>369.000</i>	-	-	-	<i>119.500</i>	<i>249.500</i>	<i>18</i>
	- Xây dựng khu đô thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh	2500 (13/12/23) 661 (03/4/24) 1473 (11/7/24)	72.000	72.000				64.800	72.000	7.200	-	72.000	-	-	-	64.000	8.000	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Lịch Đông, xã Liêm Hải, huyện Trục Ninh	2232 (22/11/23)	12.000	12.000					12.000	12.000	-	12.000	-	-	-	300	11.700	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Nam Lang Đông, xã Trục Tuán, huyện Trục Ninh	145/NQ-HĐND (09/12/23)	17.000	17.000				17.000		17.000	-	17.000	-	-	-	300	16.700	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và tái định cư xóm 7, xã Trục Khang, huyện Trục Ninh	147/NQ-HĐND (09/12/23)	75.000	75.000				18.000	50.000	30.513	-	48.513	-	-	-	500	48.013	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung và tái định cư xóm Lác Môn 3, xã Trục Hùng, huyện Trục Ninh	120/NQ-HĐND (03/11/23)	55.000	55.000					25.000	30.000	-	30.000	-	-	-	300	29.700	1
	- Xây dựng Khu dân cư tập trung và tái định cư xóm Nam xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh	2548 (19/11/24)	48.000	48.000					15.000	48.000	-	48.000	-	-	-	300	47.700	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Văn Lãng Nam, xã Trục Tuán, huyện Trục Ninh	2559 (21/11/24)	46.487	46.487					50.000	46.487	-	46.487	-	-	-	500	45.987	1
	- Xây dựng Khu dân cư tập trung và tái định cư xóm Chín xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh	2556 (20/11/24)	35.000	35.000					35.000	35.000	-	35.000	-	-	-	300	34.700	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Nội, huyện Trục Ninh	89/NQ-HĐND (02/12/21) 37/NQ-HĐND (09/4/24)	35.000	35.000				30.000	35.000	5.000	-	35.000	-	-	-	31.000	4.000	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung, xóm Đoài 2 - xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh	90/NQ-HĐND (02/12/21) 26/NQ-HĐND (13/3/24)	25.000	25.000				20.000	25.000	5.000	-	25.000	-	-	-	22.000	3.000	1
	Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025																	
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm 5 xã Trục Nội, huyện Trục Ninh		90.000	90.000				90.000	-	-	90.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và tái định cư xã Trục Tuán, huyện Trục Ninh		60.000	60.000				60.000	-	-	60.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Trục Thuận, huyện Trục Ninh		32.000	32.000				32.000	-	-	32.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 10, xã Trục Tuán, huyện Trục Ninh		27.000	27.000				27.000	-	-	27.000	-	-	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Liêm Hải, huyện Trục Ninh		18.000	18.000				18.000	-	-	18.000							1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm Nam Tiến, xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh		14.900	14.900				15.000	-	-	15.000							1
	- Xây dựng khu đô thị TDP Nghi Nam, TT Ninh Cường, huyện Trục Ninh		14.500	14.500				14.500	-	-	14.500							1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung và thương mại dịch vụ (hỗn hợp) xã Trung Đông, huyện Trục Ninh		180.500	180.500				180.500	-	-	180.500							1
2	Các dự án tình quyết định đầu tư		1.156.626	887.824	-	120.747	120.747	776.762	713.364	222.647	411.636	587.773	29.000	63.000	173.592	109.350	212.831	37
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		126.136	126.136	-	62.809	62.809	74.499	65.529	1.637	10.607	65.529	10.700	20.000	30.609	-	4.220	2
a	Các dự án đã quyết toán		68.716	68.716	-	62.809	62.809	18.716	8.109	-	10.607	8.109	-	-	8.109	-	-	1
a.3	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023		68.716	68.716	-	62.809	62.809	18.716	8.109	-	10.607	8.109	-	-	8.109	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Khang - Thuận, huyện Trục Ninh	395 (02/3/17) 169 (20/01/21)	68.716	68.716	2405 (22/12/22)	62.809	62.809	18.716	8.109	-	10.607	8.109	-	-	8.109	-	-	1
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		57.420	57.420	-	-	-	55.783	57.420	1.637	-	57.420	10.700	20.000	22.500	-	4.220	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trục Đại - Trục Thái, huyện Trục Ninh	2560 (18/11/19) 1883 (13/10/22) 2332 (14/12/22) 895 (26/4/24)	57.420	57.420				55.783	57.420	1.637	-	57.420	10.700	20.000	22.500	-	4.220	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.030.490	761.688	-	57.938	57.938	702.263	647.835	221.010	401.029	522.244	18.300	43.000	142.983	109.350	208.611	35
a	Các dự án đã quyết toán		59.964	59.964	-	57.938	57.938	59.964	57.938	-	1.994	57.970	5.000	43.000	9.970	-	-	4
a.3	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023		59.964	59.964	-	57.938	57.938	59.964	57.938	-	1.994	57.970	5.000	43.000	9.970	-	-	4
	- Cải tạo, nâng cấp đường Cổ Lễ - Trung Đông (đoạn từ QL21 đến cầu Điện Biên và tuyến nhánh)	1641 (04/8/21) 2070 (08/11/22)	14.990	14.990	1866 (21/9/23)	14.099	14.099	14.990	14.099	-	866	14.124	5.000	7.000	2.124	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Trục Cường (đoạn từ cầu Múc đến cầu sông Sẻ)	1686 (10/8/21) 1978 (28/10/22)	14.990	14.990	2159 (31/10/23)	14.507	14.507	14.990	14.507	-	476	14.514	-	12.000	2.514	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND, hội trường nhà văn hóa xã Trục Đại, huyện Trục Ninh	2636 (07/12/21)	14.999	14.999	2165 (31/10/23)	14.574	14.574	14.999	14.574	-	425	14.574	-	12.000	2.574	-	-	1
	- Xây dựng 12 phòng học 3 tầng (06 phòng bộ môn, 06 phòng lý thuyết) và các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Trục Đại, huyện Trục Ninh	1771 (19/8/21)	14.985	14.985	1860 (21/9/23)	14.758	14.758	14.985	14.758	-	227	14.758	-	12.000	2.758	-	-	1
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		74.980	74.980	-	-	-	74.990	74.980	-	10	74.980	10.000	-	58.990	-1.400	7.390	2
	- Kiên cố hóa kênh Hải Ninh, Hải Ninh 21, Hải Ninh 23, kênh CCS thị trấn Cổ Lễ, huyện Trục Ninh	1372 (30/6/21) 870 (25/4/24)	59.990	59.990				59.990	59.990	-	-	59.990	10.000	-	44.990	-	5.000	1
	- Xây dựng cầu Thái - Hưng, huyện Trục Ninh	1802 (14/9/23)	14.990	14.990				15.000	14.990	-	10	14.990	-	-	14.000	-1.400	2.390	1
c	Các dự án chuyển tiếp		297.646	207.594	-	-	-	173.720	207.594	69.010	35.136	207.594	3.300	-	74.023	96.636	33.635	5
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Liêm Hải - Trục Tuấn-Cát thành	1327 (24/6/24)	30.000	30.000				30.000	30.000	-	-	30.000	-	-	-	19.400	10.600	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường TL488B, huyện Trục Ninh (đoạn từ QL21 Ngát Kéo xã Liêm Hải đến đê sông Ninh Cơ thị trấn Cát Thành)	1420 (09/8/22) 1461 (26/7/23)	78.646	23.594				23.730	23.594	-	136	23.594	-	-	23.000	-	594	1
	- Kè gia cố và nâng cấp đường bờ kênh Sê đoạn từ cống Sê đê tá Ninh Cơ xã Trục Hùng đến cầu sông Sê xã Trục Cường, huyện Trục Ninh	1809 (14/9/23)	70.000	35.000				70.000	35.000	-	35.000	35.000	-	-	-	35.000	-	1
	- Xây dựng trường tiểu học xã Trục Hùng, huyện Trục Ninh	2363 (31/10/24) 1350/UBND- VP5 (05/11/24)	59.000	59.000					59.000	59.000	-	59.000	-	-	-	45.136	13.864	1
	- Xây dựng Trường mầm non thị trấn Cổ Lễ, huyện Trục Ninh	2141 (05/10/21) 187 (19/01/23) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	60.000	60.000				49.990	60.000	10.010	-	60.000	3.300	-	51.023	-2.900	8.577	1
d	Các dự án khởi công mới		597.900	419.150	-	-	-	132.589	175.423	151.700	103.989	180.300	-	-	-	12.714	167.586	11
	- Xây dựng tuyến đường trục thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh (đoạn từ vòng xuyên Nội thị đến sông Ninh Cơ)	TB283 (04/12/24)	140.000	70.000				62.589	62.000	-	33.989	28.600	-	-	-	3.600	25.000	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Trực Ninh	1372/UBND-BQL (10/10/24)	90.000	45.000						25.000	-	25.000					25.000	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường An Cường (kết nối xã Hải An, huyện Hải Hậu và thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh)	TB231 (26/9/24)	85.000	21.250						5.000	-	5.000					5.000	1
	- Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Thị trấn Cồ Lễ, huyện Trực Ninh		42.900	42.900				43.423		42.900	-	42.900				9.114	33.786	1
	- Xây dựng trường mầm non xã Phương Định		40.000	40.000						15.000	-	15.000					15.000	1
	- Nâng cấp đê bồi xã Phương Định		15.000	15.000						15.000	-	15.000					15.000	1
	- Nâng cấp đê bồi xã Trực Chính		15.000	15.000						15.000	-	15.000					15.000	1
	- Cải tạo, nâng cấp Trường THCS xã Trực Khang, huyện Trực Ninh		40.000	40.000						14.000	-	14.000					14.000	1
	- Cải tạo, nâng cấp Trường THCS thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh		60.000	60.000						19.800	-	19.800					19.800	1
	Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025									-	-							
	- Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Thắng		50.000	50.000				50.000	50.000	-	50.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải (Đoạn từ công Chéo Trực Thanh đến QL37B)		20.000	20.000				20.000	20.000	-	20.000	-	-	-	-	-	-	1
e	Các dự án chuẩn bị đầu tư (Huyện chủ động bố trí vốn CBDT. Trong đó: Danh mục dự án, Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của các dự án là số liệu dự kiến tại thời điểm báo cáo, được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)							261.000	131.900	300	259.900	1.400	-	-	-	1.400	-	13
	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh	46/NQ-HĐND (26/4/22) 62/NQ-HĐND (24/4/23)	90.000					75.000	90.000	-	74.500	500					500	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Khang Ninh xã Trực Cường, huyện Trực Ninh	TB82 (28/3/24)	30.000					14.000	10.000	-	13.700	300					300	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Dịch Diệp xã Trực Chính		45.000					36.000	20.000	-	35.700	300					300	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đồng Sống, xã Phương Định, huyện Trực Ninh		72.000					14.000	-	-	14.000	-					-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tập trung và tái định cư xóm 1,2, xã Trung Đông, huyện Trục Ninh		198.000					30.000	500	-	30.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tập trung và tái định cư xã Trục Thanh, huyện Trục Ninh		80.000					30.000	500	-	30.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tập trung và tái định cư xã Trục Thắng, huyện Trục Ninh		48.000					28.000	500	-	28.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và tái định cư xã Trục Mỹ, huyện Trục Ninh		57.000					20.000	200	-	20.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tập trung và tái định cư xã Trục Hưng, huyện Trục Ninh		37.000					14.000	200	-	14.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Lễ Tích, xã Trục Thuận, huyện Trục Ninh		59.000						10.000	300	-	300	-	-	-	300	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và tái định cư thôn Thái Lãng, xã Trục Nội, huyện Trục Ninh		97.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Trục Đạo, huyện Trục Ninh giai đoạn 2		140.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu đô thị Phú An, thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh		280.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn							343.842	388.911	36.637	-	380.479	8.329	22.121	139.729	80.300	130.000	
VII	HUYỆN XUÂN TRƯỜNG		1.524.531	1.496.031	-	173.032	173.032	1.096.741	1.515.584	399.136	506.940	988.937	-	16.718	45.407	328.599	598.214	67
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		661.546	661.546	-	27.540	27.540	445.001	446.931	182.155	196.471	430.685	-	-	366	203.894	226.425	15
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		49.421	49.421	-	27.540	27.540	15.031	15.031	-	12.771	2.260	-	-	366	1.894	0	1
<i>b</i>	<i>Các dự án hoàn thành chưa quyết toán</i>		<i>49.421</i>	<i>49.421</i>	<i>-</i>	<i>27.540</i>	<i>27.540</i>	<i>15.031</i>	<i>15.031</i>	<i>-</i>	<i>12.771</i>	<i>2.260</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>366</i>	<i>1.894</i>	<i>0</i>	<i>1</i>
	- Xây dựng khu đô thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường (Dự án quyết toán thành phần)	2594 (04/12/15) 957 (04/5/17) 1794 (23/8/18)	49.421	49.421		1419 (06/7/21)	27.540	15.031	15.031	-	12.771	2.260	-	-	366	1.894	0	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		612.125	612.125	-	-	-	429.970	431.900	182.155	183.700	428.425	-	-	-	202.000	226.425	14
<i>b</i>	<i>Các dự án hoàn thành chưa quyết toán</i>		<i>98.487</i>	<i>98.487</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>88.450</i>	<i>100.000</i>	<i>10.037</i>	<i>-</i>	<i>98.487</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>90.000</i>	<i>8.487</i>	<i>2</i>

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường	962 (15/5/23) 1510 (02/8/23)	56.000	56.000				56.000	56.000	-	-	56.000	-	-	-	50.000	6.000	1
	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường	406 (23/02/24)	42.487	42.487				32.450	44.000	10.037	-	42.487	-	-	-	40.000	2.487	1
c	Các dự án chuyển tiếp		156.938	156.938	-	-	-	91.600	158.900	65.338	-	156.938	-	-	-	108.600	48.338	5
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Trung, huyện Xuân Trường	1159 (15/6/23) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	19.900	19.900				19.300	19.900	600	-	19.900	-	-	-	15.100	4.800	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường	482 (12/3/24)	41.000	41.000				32.000	42.000	9.000	-	41.000	-	-	-	37.000	4.000	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường	1777 (20/8/24)	34.000	34.000				14.300	34.000	19.700	-	34.000	-	-	-	500	33.500	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường	1173 (03/6/24)	32.038	32.038				26.000	33.000	6.038	-	32.038	-	-	-	29.000	3.038	1
	- Xây dựng khu tái định cư, khu dân cư tập trung xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường	1297 (18/6/24)	30.000	30.000				-	30.000	30.000	-	30.000	-	-	-	27.000	3.000	1
d	Các dự án khởi công mới		356.700	356.700	-	-	-	249.920	173.000	106.780	183.700	173.000	-	-	-	3.400	169.600	7
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Xuân Bắc, xã Trà Lũ, huyện Xuân Trường	87/NQ-HĐND (14/7/23) 159/NQ-HĐND (09/12/23) 170/NQ-HĐND (10/12/24)	62.000	62.000				22.000	62.000	40.000	-	62.000	-	-	-	2.400	59.600	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Xuân Đài, xã Xuân Giang, huyện Xuân Trường	86/NQ-HĐND (14/7/23) 170/NQ-HĐND (10/12/24)	31.000	31.000				22.220	31.000	8.780	-	31.000	-	-	-	500	30.500	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Xuân Tiến, xã Xuân Phúc, huyện Xuân Trường	84/NQ-HĐND (14/7/23) 170/NQ-HĐND (10/12/24)	80.000	80.000				22.000	80.000	58.000	-	80.000	-	-	-	500	79.500	1
	Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025									-	-							

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thị trấn Xuân Trường (KV tổ 16)		102.180	102.180				102.180		-	102.180	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Thọ Nghiệp		55.000	55.000				55.000		-	55.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Thủy		14.300	14.300				14.300		-	14.300	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thị trấn Xuân Trường (KV tổ 18)		12.220	12.220				12.220		-	12.220	-	-	-	-	-	-	1
2	Các dự án tính quyết định đầu tư		862.985	834.485	-	145.492	145.492	458.728	801.992	211.678	310.469	359.937	-	16.718	45.041	75.105	223.073	52
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		137.133	137.133	-	130.828	130.828	22.333	16.135	-	6.238	16.095	-	4.718	11.377	-	0	8
<i>a</i>	<i>Các dự án đã quyết toán</i>		<i>137.133</i>	<i>137.133</i>	-	<i>130.828</i>	<i>130.828</i>	<i>22.333</i>	<i>16.135</i>	-	<i>6.238</i>	<i>16.095</i>	-	<i>4.718</i>	<i>11.377</i>	-	<i>0</i>	<i>8</i>
<i>a.2</i>	<i>Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022</i>		<i>85.742</i>	<i>85.742</i>	-	<i>83.481</i>	<i>83.481</i>	<i>7.019</i>	<i>4.758</i>	-	<i>2.301</i>	<i>4.718</i>	-	<i>4.718</i>	-	-	<i>0</i>	<i>6</i>
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Xuân Thủy - Nam Điền đoạn từ nút giao tỉnh lộ 489C mới đến UBND xã Xuân Trung, huyện Xuân Trường	88 (10/01/20)	22.526	22.526	881 (11/5/22)	22.227	22.227	2.526	2.227	-	300	2.226	-	2.226	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục huyện đoạn từ cầu phao cũ Lạc Quân đến nút giao Quốc lộ 21	2361 (24/10/19)	19.962	19.962	877 (11/5/22)	19.741	19.741	1.662	1.441	-	222	1.440	-	1.440	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp Nhà Văn hóa trung tâm huyện Xuân Trường	2002 (19/9/19)	14.326	14.326	2799 (21/12/21)	14.064	14.064	682	420	-	263	419	-	419	-	-	-	1
	- Xây dựng Nhà 3 tầng 12 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học A Xuân Trường, huyện Xuân Trường	2435 (31/10/18)	9.758	9.758	185/QĐ-STC (30/12/21)	9.305	9.305	979	126	-	853	126	-	126	-	-	0	1
	- Xây dựng mới 16 phòng học, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường	1094 (07/5/20) 1860 (27/8/21)	14.808	14.808	895 (13/5/22)	13.864	13.864	808	264	-	581	227	-	227	-	-	-0	1
	- Cải tạo, nâng cấp nhà khách UBND huyện Xuân Trường	1531 (25/7/19)	4.362	4.362	183/QĐ-STC (30/12/21)	4.280	4.280	362	280	-	82	280	-	280	-	-	-	1
<i>a.3</i>	<i>Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023</i>		<i>51.391</i>	<i>51.391</i>	-	<i>47.347</i>	<i>47.347</i>	<i>15.314</i>	<i>11.377</i>	-	<i>3.937</i>	<i>11.377</i>	-	-	<i>11.377</i>	-	<i>-0</i>	<i>2</i>
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Phú - Đãi đoạn từ tỉnh lộ 489 đến huyện lộ Bắc - Phong - Đãi, huyện Xuân Trường	2362 (24/10/19) 2595 (02/12/21)	36.860	36.860	766 (19/4/23)	32.926	32.926	15.311	11.377	-	3.934	11.377	-	-	11.377	-	-0	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường	2467 (31/10/17) 2371 (26/10/18)	14.531	14.531	1083 (24/5/19)	14.421	14.421	3	-	-	3	-	-	-	-	-	-	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		725.852	697.352		14.664	14.664	436.395	785.857	211.678	304.231	343.842		12.000	33.664	75.105	223.073	44
<i>a</i>	<i>Các dự án đã quyết toán</i>		14.996	14.996		14.664	14.664	15.000	14.665		336	14.664		12.000	2.664			1
<i>a.3</i>	<i>Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2023</i>		14.996	14.996		14.664	14.664	15.000	14.665		336	14.664		12.000	2.664			1
	- Cải tạo, sửa chữa tuyến đường đô thị từ nút giao QL21 (cầu Lạc Quân) đến trung tâm huyện Xuân Trường	1071 (09/6/22)	14.996	14.996	2161 (31/10/23)	14.664	14.664	15.000	14.665		336	14.664		12.000	2.664			1
<i>b</i>	<i>Các dự án hoàn thành chưa quyết toán</i>		29.000	29.000				29.000	29.000						19.000	9.000	1.000	2
	- Xây dựng Trường THCS và các hạng mục phụ trợ xã Xuân Trung, huyện Xuân Trường	1209 (21/6/23)	14.500	14.500				14.500	14.500			14.500			10.000	4.000	500	1
	- Xây dựng Trường Tiểu học Xuân Hồng, huyện Xuân Trường	1330 (06/7/23)	14.500	14.500				14.500	14.500			14.500			9.000	5.000	500	1
<i>c</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		76.000	76.000				48.000	76.000	28.000		76.000			12.000	50.105	13.895	3
	- Xây dựng mới trường mầm non xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường	1107 (24/5/24)	23.000	23.000				23.000	23.000			23.000				17.200	5.800	1
	- Kè sông Tàu 1 đoạn từ cầu trung tâm xã đến công Tàu xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường	1058 (17/5/24)	18.000	18.000					18.000	18.000		18.000				10.405	7.595	1
	- Xây dựng trường THCS thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường	375 (27/02/23) 1997 (25/9/24)	35.000	35.000				25.000	35.000	10.000		35.000			12.000	22.500	500	1
<i>d</i>	<i>Các dự án khởi công mới</i>		605.856	577.356				175.195	264.192	183.678	134.695	224.178				16.000	208.178	29
	- Xây dựng Trường Mầm non Xuân Kiên, xã Xuân Phúc, huyện Xuân Trường	2669 (04/12/24)	13.000	13.000				13.000	13.000			13.000				8.000	5.000	1
	- Xây dựng Trường THCS xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường	1281/CTĐT (18/7/22) 2650/CTĐT (29/11/24)	14.500	14.500				14.500	14.500			14.500				8.000	6.500	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông xã Trà Lũ, huyện Xuân Trường	107/NQ-HĐND (20/9/24)	25.000	25.000					25.000	25.000	-	25.000	-	-	-	-	25.000	1
	- Xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện Xuân Trường	105/NQ-HĐND (20/9/24)	45.300	45.300					45.331	45.300	-	45.300	-	-	-	-	45.300	1
	- Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Bùi Chu xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường	2007/CTĐT (26/9/24)	12.000	12.000					12.000	12.000	-	12.000	-	-	-	-	12.000	1
	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường	2148/CTĐT (16/10/24)	14.500	14.500					14.500	14.500	-	14.500	-	-	-	-	14.500	1
	- Xây dựng trường Mầm non Xuân Tiến, xã Xuân Phúc, huyện Xuân Trường	TB 184 (01/8/24)	26.361	26.361					26.361	26.361	-	26.361	-	-	-	-	26.361	1
	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường	2549/CTĐT (19/11/24)	14.500	14.500					14.500	14.500	-	14.500	-	-	-	-	14.500	1
	- Kê sông từ trạm điện số 1 đến thôn Liên Thượng, huyện Xuân Trường, huyện Xuân Trường	120/TTr-UBND (16/6/23)	14.500	14.500						14.500	-	14.500	-	-	-	-	14.500	1
	- Xây dựng, cải tạo trường tiểu học Xuân Tiến, xã Xuân Phúc, huyện Xuân Trường	TB274 (29/11/24)	14.500	14.500				13.000	14.500	1.500	-	14.500	-	-	-	-	14.500	1
	- Kê kênh làng Lục Thủy, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường		14.500	14.500					14.500	14.500	-	14.500	-	-	-	-	14.500	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Tân - Thành, huyện Xuân Trường	TB252 (25/10/24)	57.000	28.500						15.517	-	15.517	-	-	-	-	15.517	1
	<i>Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025</i>										-							
	- Xây dựng mới Trụ sở UBND xã Xuân Bắc, huyện Xuân Trường	127/TTr-UBND (19/6/23)	14.500	14.500							-							1
	- Trường mầm non xã Xuân Hồng và các hạng mục phụ trợ		14.500	14.500							-							1
	- Nhà 2 tầng trường Mầm non Xuân Ngọc		25.000	25.000							-							1
	- Trường mầm non Thị trấn Xuân Trường		30.000	30.000							-							1
	- Kê sông Đồng Nê 2		20.500	20.500							-							1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Nhà đa năng, sân thể thao trung tâm xã Xuân Ngọc		14.500	14.500						-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Kè sông từ cầu trạm điện số 1 đến thôn Liên Thượng		14.500	14.500						-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Trường Tiểu học Thị trấn Xuân Trường khu B		45.000	45.000				45.000		-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Trường Trung học cơ sở xã Xuân Ngọc		28.000	28.000				14.500		-	14.500	-	-	-	-	-	-	1
	- Nhà Văn hóa xã Xuân Bắc		13.000	13.000				10.000		-	10.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, sửa chữa tuyến đường đô thị từ nút giao đầu cầu Lạc Quân đến Trung tâm huyện Xuân Trường		13.000	13.000				13.000		-	13.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường, hệ thống rãnh thoát nước khu trung tâm huyện		38.695	38.695				38.695		-	38.695	-	-	-	-	-	-	1
	- Trường Tiểu học xã Xuân Phú và các hạng mục phụ trợ		12.000	12.000				12.000		-	12.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Trường Tiểu học xã Xuân Đài		12.000	12.000				12.000		-	12.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Trường mầm non xã Xuân Thành		10.000	10.000				10.000		-	10.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Trường Tiểu học xã Xuân Ninh		10.000	10.000				10.000		-	10.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Trường Trung học cơ sở xã Thọ Nghiệp giai đoạn 1		25.000	25.000				14.500	25.000	-	14.500	-	-	-	-	-	-	1
e	<i>Các dự án chuẩn bị đầu tư (Huyện chủ động bỏ trí vốn CBBT. Trong đó: Danh mục dự án, Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của các dự án là số liệu dự kiến tại thời điểm báo cáo, được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)</i>							169.200	402.000		169.200	-	-	-	-	-	-	9
	- Xây dựng hạ tầng khu tái định cư, khu dân cư tập trung tại Tổ 7, thị trấn Xuân Trường	TB160 (10/7/24)	190.000						150.000		-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu tái định cư và khu dân cư tập trung Xuân Phong, xã Xuân Giang, huyện Xuân Trường		103.000						92.000		-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Xuân Thủy xã Xuân Giang, huyện Xuân Trường		124.000								-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu tái định cư, khu dân cư tập trung xã Xuân Thượng, huyện Xuân Trường	136/TT-UBND (20/6/23)	67.000					13.200	160.000		13.200	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tập trung xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường		87.000					13.000			13.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Xuân Phú, huyện Xuân Trường		146.000					33.000			33.000	-	-	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường		179.000					110.000		-	110.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường xã Xuân Phúc (Xuân Kiên), huyện Xuân Trường		32.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục xã Trà Lũ (Đoạn từ Chùa Trà Đông đến giáp xã Thọ Nghiệp)		14.500							-	-	-	-	-	-	-	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn							193.012	266.661	5.303	-	198.315	-	-	-	49.600	148.715	
VIII	HUYỆN GIAO THỦY		3.466.049	3.425.649	-	213.613	213.613	2.107.982	4.026.631	1.240.545	500.620	2.847.907	23.736	45.735	213.675	1.112.000	1.452.762	57
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		2.375.329	2.374.929	-	74.856	74.856	949.344	1.618.947	762.980	73.837	1.638.487	464	-	159.999	572.500	905.524	29
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		77.946	77.946	-	74.856	74.856	464	464	-	-	464	464	-	-	-	-	1
a	<i>Các dự án đã quyết toán</i>		<i>77.946</i>	<i>77.946</i>	-	<i>74.856</i>	<i>74.856</i>	<i>464</i>	<i>464</i>	-	-	<i>464</i>	<i>464</i>	-	-	-	-	<i>1</i>
a.1	<i>Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021</i>		<i>77.946</i>	<i>77.946</i>	-	<i>74.856</i>	<i>74.856</i>	<i>464</i>	<i>464</i>	-	-	<i>464</i>	<i>464</i>	-	-	-	-	<i>1</i>
	- Xây dựng khu đô thị thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy	1320 (27/6/16) 1990 (30/8/17) 1246 (17/6/19)	77.946	77.946	2336 (21/9/20)	74.856	74.856	464	464	-	-	464	464	-	-	-	-	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		2.297.383	2.296.983	-	-	-	948.880	1.618.483	762.980	73.837	1.638.023	-	-	159.999	572.500	905.524	28
b	<i>Các dự án hoàn thành chưa quyết toán</i>		<i>207.623</i>	<i>207.623</i>	-	-	-	<i>211.940</i>	<i>207.623</i>	-	<i>4.317</i>	<i>207.623</i>	-	-	<i>159.999</i>	<i>33.000</i>	<i>14.624</i>	2
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy	1077 (10/6/22)	84.000	84.000	-	-	-	84.000	84.000	-	-	84.000	-	-	59.999	18.000	6.001	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy	1385 (03/8/22)	123.623	123.623	-	-	-	127.940	123.623	-	4.317	123.623	-	-	100.000	15.000	8.623	1
c	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		<i>484.460</i>	<i>484.460</i>	-	-	-	<i>396.460</i>	<i>476.960</i>	<i>68.000</i>	<i>28.960</i>	<i>435.500</i>	-	-	-	<i>337.000</i>	<i>98.500</i>	6
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Châu, huyện Giao Thủy	2426 (05/12/23) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	58.000	58.000	-	-	-	58.000	58.000	-	-	58.000	-	-	-	54.000	4.000	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Nam sông Hồng, xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy	1172 (03/6/24)	140.000	140.000	-	-	-	120.000	140.000	-	8.000	112.000	-	-	-	35.000	77.000	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hồng Thuận, huyện Giao Thủy	2204 (28/11/22)	125.960	125.960				125.960	125.960	-	20.960	105.000	-	-	-	105.000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Hà, huyện Giao Thủy	1888 (27/9/23)	60.000	60.000				-	60.000	60.000	-	60.000	-	-	-	55.000	5.000	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy	2231 (08/11/23) 4051/TTr-SKHĐT (28/11/24)	56.500	56.500				52.500	53.000	4.000	-	56.500	-	-	-	50.000	6.500	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Tân, huyện Giao Thủy	1786 (12/9/23) 4016/TTr-SKHĐT (26/11/24)	44.000	44.000				40.000	40.000	4.000	-	44.000	-	-	-	38.000	6.000	1
d	Các dự án khởi công mới		1.605.300	1.604.900	-	-	-	340.480	933.900	694.980	40.560	994.900	-	-	-	202.500	792.400	20
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Thanh, huyện Giao Thủy	2396 (01/11/24)	69.000	69.000				-	69.000	55.200	-	55.200	-	-	-	45.000	10.200	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy	27/NQ-HĐND (26/4/22) 38/NQ-HĐND (09/4/24)	75.000	75.000				-	60.000	60.000	-	60.000	-	-	-	300	59.700	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và khu tái định cư xã Bình Hòa, huyện Giao Thủy	30/NQ-HĐND (26/4/22) 1478/UBND-VP5 (03/12/24)	45.000	45.000				-	40.000	36.000	-	36.000	-	-	-	30.000	6.000	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Giao Hương, huyện Giao Thủy	67/NQ-HĐND (11/7/24)	42.000	42.000					42.000	33.600	-	33.600	-	-	-	10.000	23.600	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm Duyên Trường, xã Giao Nhân, huyện Giao Thủy	29/NQ-HĐND (24/4/23)	48.000	48.000				34.320	48.000	4.080	-	38.400	-	-	-	14.700	23.700	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thị trấn Quát Lâm, huyện Giao Thủy	28/NQ-HĐND (26/4/22) 108/NQ-HĐND (20/9/24)	113.000	113.000				-	95.000	90.400	-	90.400	-	-	-	3.300	87.100	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và khu tái định cư Ngõ Đông, thị trấn Giao Thủy, huyện Giao Thủy	32/NQ-HĐND (26/4/22) 1136/UBND-VP5 (19/9/24)	160.000	160.000				-	110.000	94.500	-	94.500	-	-	-	28.000	66.500	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và khu tái định cư xã Bạch Long, huyện Giao Thủy	33/NQ-HĐND (26/4/22) 166/NQ-HĐND (10/12/24)	95.000	95.000				68.400	69.000	7.600	-	76.000	-	-	-	20.000	56.000	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Xuân Ninh, xã Bạch Long, huyện Giao Thủy	149/NQ-HĐND (10/12/24)	60.000	60.000					50.000	48.000	-	48.000	-	-	-	300	47.700	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Lạc Thuần, xã Giao Châu, huyện Giao Thủy	151/NQ-HĐND (10/12/24)	137.000	137.000					110.000	109.600	-	109.600	-	-	-	300	109.300	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Thanh Lâm, xã Giao Thanh, huyện Giao Thủy	148/NQ-HĐND (10/12/24)	55.000	55.000					500	44.000	-	44.000	-	-	-	-	44.000	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và khu tái định cư Giao Yên 1, huyện Giao Thủy	150/NQ-HĐND (10/12/24)	140.000	140.000					500	112.000	-	112.000	-	-	-	-	112.000	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Long, huyện Giao Thủy	81/NQ-HĐND (02/12/21) 75/NQ-HĐND (11/7/24)	84.900	84.900				85.000	84.900	-	17.000	68.000	-	-	-	15.000	53.000	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy	29/NQ-HĐND (26/4/22) 89/NQ-HĐND (23/8/24)	83.000	83.000				82.560	83.000	-	16.160	66.400	-	-	-	300	66.100	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và khu tái định cư xã Giao Hải, huyện Giao Thủy	83/NQ-HĐND (02/12/21) 1479/UBND-VP5 (03/12/24)	53.400	53.400				45.000	45.000	-	2.200	42.800	-	-	-	35.000	7.800	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm 4 xã Giao An, huyện Giao Thủy	164/NQ-HĐND (10/12/24)	25.000	25.000				25.200	25.000	-	5.200	20.000	-	-	-	300	19.700	1
	Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025																	
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Thanh Hà, xã Giao Hương, huyện Giao Thủy		80.000	79.900					500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và khu tái định cư Trà Lũ, xã Giao An, huyện Giao Thủy		85.000	84.900					500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Hoành Nha xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy		85.000	84.900					500	-	-	-	-	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Minh Tiến xã Giao Tân, huyện Giao Thủy		70.000	69.900					500		-	-	-	-	-	-	-	1
2	Các dự án tình quyết định đầu tư		1.090.720	1.050.720	-	138.757	138.757	756.143	1.570.481	440.900	426.783	770.260	15.357	904	26.694	324.300	403.006	28
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		37.926	37.926	-	36.956	36.956	7.356	7.356	-	-	7.356	7.357	-	-	-	-	3
<i>a</i>	<i>Các dự án đã quyết toán</i>		37.926	37.926	-	36.956	36.956	7.356	7.356	-	-	7.356	7.357	-	-	-	-	3
<i>a.1</i>	<i>Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021</i>		37.926	37.926	-	36.956	36.956	7.356	7.356	-	-	7.356	7.357	-	-	-	-	3
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường phòng chống lụt bão xã Hồng Thuận huyện Giao Thủy	88 (15/01/18) 1142 (03/6/19)	14.996	14.996	1046 (14/5/21)	14.771	14.771	171	171	-	-	171	171	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy	2413 (31/10/18)	14.990	14.990	1707 (11/8/21)	14.774	14.774	3.274	3.274	-	-	3.274	3.274	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nội thị trấn Ngô Đồng đoạn từ nút giao Tỉnh lộ 489 (Km24+100) đến đê sông Hồng	2421 (31/10/19)	7.940	7.940	114/QĐ-STC (20/7/21)	7.411	7.411	3.911	3.911	-	-	3.911	3.911	-	-	-	-	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.052.794	1.012.794	-	101.801	101.801	748.787	1.563.125	440.900	426.783	762.904	8.000	904	26.694	324.300	403.006	25
<i>a</i>	<i>Các dự án đã quyết toán</i>		116.794	116.794	-	101.801	101.801	23.747	8.904	-	14.843	8.904	8.000	904	-	-	-	2
<i>a.2</i>	<i>Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022</i>		116.794	116.794	-	101.801	101.801	23.747	8.904	-	14.843	8.904	8.000	904	-	-	-	2
	- Xây dựng mới nhà 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy	2493 (08/10/20)	10.998	10.998	2550 (30/12/22)	10.751	10.751	9.151	8.904	-	247	8.904	8.000	904	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Tiến - Thịnh huyện Giao Thủy	556 (20/3/17) 988 (24/4/20)	105.796	105.796	1998 (31/10/22)	91.050	91.050	14.596		-	14.596	-						1
<i>b</i>	<i>Các dự án hoàn thành chưa quyết toán</i>		80.000	40.000	-	-	-	-	40.000	40.000	-	40.000	-	-	-	40.000	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu du lịch Quất Lâm, huyện Giao Thủy	1804 (14/9/23)	80.000	40.000					40.000	40.000	-	40.000	-	-	-	40.000	-	1
<i>c</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		514.000	514.000	-	-	-	330.000	514.000	184.000	17.500	496.500	-	-	26.694	207.800	262.006	4
	- Cải tạo, nâng cấp đường Lạc Lâm, huyện Giao Thủy (đoạn Cồn Nhất - Chợ Vọng)	900 (08/5/23)	100.000	100.000				100.000	100.000	-	-	100.000	-	-	26.194	69.100	4.706	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng tuyến đường Thiệu Lâm, huyện Giao Thủy (đoạn từ Tỉnh lộ 488 xã Giao Hải đến Tỉnh lộ 489B thị trấn Quất Lâm)	1590 (29/7/24)	230.000	230.000				230.000	230.000	-	17.500	212.500	-	-	-	70.700	141.800	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Hà kết hợp kê hai bên mái kênh Côn Nhất 7 từ QL37B ra đường bộ ven biển đi xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy	754 (12/4/24)	124.000	124.000					124.000	124.000	-	124.000	-	-	-	50.000	74.000	1
	- Kiến cố hóa kênh Giao Sơn, đoạn từ cầu Chợ đến cầu Giao Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	2030 (17/10/23)	60.000	60.000					60.000	60.000	-	60.000	-	-	500	18.000	41.500	1
d	Các dự án khởi công mới		342.000	342.000	-	-	-	-	252.000	216.000	-	216.000	-	-	-	75.000	141.000	4
	- Xây dựng tuyến đường tả Sông Sò từ tỉnh lộ 489 đến tỉnh lộ 489B, huyện Giao Thủy	159/NQ-HĐND (10/12/24)	250.000	250.000					200.000	173.400	-	173.400	-	-	-	50.000	123.400	1
	- Nâng cấp, cải tạo đường trục Bình Xuân, huyện Giao Thủy	161/NQ-HĐND (10/12/24)	30.000	30.000					30.000	25.000	-	25.000	-	-	-	15.000	10.000	1
	- Xây dựng kè bờ sông giáp xã Giao Nhân đến cầu Đình xã Giao Hải (Kè 2 bên bờ sông)		22.000	22.000					22.000	17.600	-	17.600	-	-	-	10.000	7.600	1
	Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025									-	-							
	- Xây dựng Trường THCS xã Giao Hương, huyện Giao Thủy		40.000	40.000					-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
e	Các dự án chuẩn bị đầu tư (Huyện chủ động bố trí vốn CBBT. Trong đó: Danh mục dự án, Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của các dự án là số liệu dự kiến tại thời điểm báo cáo, được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)							395.040	748.221	900	394.440	1.500	-	-	-	1.500	-	14
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Thanh Long, xã Giao Thanh, huyện Giao Thủy	TB38 (29/01/24)	100.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Xuân Hoành, xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy	TB25 (23/01/24)	91.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm 4 xã Hoành Sơn (mở rộng), huyện Giao Thủy	68/NQ-HĐND (11/7/24)	58.000					-	58.000	300	-	300	-	-	-	300	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm 4, xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy	TB274 (27/10/23)	89.000						75.000	300	-	300	-	-	-	300	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Thiện Xuân, xã Giao An, huyện Giao Thủy	TB27 (23/01/24)	75.000						60.000	300	-	300	-	-	-	300	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Phong, huyện Giao Thủy	84/NQ-HĐND (02/12/21)	90.000					90.000	90.000	-	89.700	300	-	-	-	300	-	1
	- Xây dựng tuyến đường trục huyện Giao Thủy (đoạn từ công Cồn Nhi xã Hồng Thuận đến tuyến đường bộ ven biển xã Giao Thiện)	TB60 (16/3/22) TB311 (11/4/23)	270.000					270.000	270.000	-	270.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm 14 xã Hoàn Sơn (mở rộng), huyện Giao Thủy		35.000					35.040	35.000	-	34.740	300	-	-	-	300	-	1
	- Xây dựng tuyến đường nối đường bộ ven biển đến Vườn Quốc Gia Xuân Thủy	438/TTr-UBND (23/10/24)	60.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung và khu tái định cư Đại Đồng xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy	3823/TTr-SKHĐT (12/11/24)	115.000						500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Trụ sở Huyện ủy, HĐND - UBND huyện Giao Thủy		38.721						38.721	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng Trường THCS xã Giao Yên, huyện Giao Thủy		65.000						40.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Giao Thanh, Giao Hương, Giao Thiện		40.000						40.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Nâng cấp, cải tạo đường trục Giao Nhân - Giao Yên, huyện Giao Thủy		40.000						40.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn							402.495	837.203	36.665	-	439.160	7.915	44.831	26.982	215.200	144.232	
	<i>Trong đó:</i>									-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Xây dựng khu dân cư xóm 4 xã Hoàn Sơn, huyện Giao Thủy	36 (10/01/20) (UBND huyện)	9.843	9.843	1104/QĐ-UBND (31/3/22) (UBND huyện)	9.838	9.838	9.843	9.839	-	5	9.838	-	9.838	-	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư xóm 14 xã Hoàn Sơn, huyện Giao Thủy	6198 (25/12/20) 261A (02/2/22) UBND huyện	9.994	9.994	2910 (17/5/23) UBND huyện	9.768	9.768	9.994	9.768	-	226	9.768	-	-	9.768	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung tại xóm 4, xã Giao An, huyện Giao Thủy	1981 (01/3/21) 1231 (12/4/22) 4417A (21/9/22) (UBND huyện)	9.964	9.964	6987 (31/12/22) UBND huyện	9.946	9.946	9.964	9.946	-	18	9.946	-	-	9.946	-	-	1
IX	HUYỆN NGHĨA HƯNG		1.378.034	1.229.399	-	84.596	84.373	1.240.083	1.418.618	645.257	551.769	1.333.571	53.151	88.654	238.900	413.978	538.889	41

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		625.108	624.958	-	-	-	391.081	613.008	263.977	53.000	602.058	-	-	85.517	228.762	287.778	8
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		49.618	49.618	-	-	-	49.618	49.618	-	-	49.618	-	-	40.651	8.000	967	1
<i>b</i>	<i>Các dự án hoàn thành chưa quyết toán</i>		49.618	49.618	-	-	-	49.618	49.618	-	-	49.618	-	-	40.651	8.000	967	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đào Thương, xã Nghĩa Châu, huyện Nghĩa Hưng	1853 (04/9/19) 524 (12/3/20) 1948 (09/9/21) 60 (10/01/24)	49.618	49.618	-	-	-	49.618	49.618	-	-	49.618	-	-	40.651	8.000	967	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		575.490	575.340	-	-	-	341.463	563.390	263.977	53.000	552.440	-	-	44.866	220.762	286.812	7
<i>b</i>	<i>Các dự án hoàn thành chưa quyết toán</i>		13.661	13.661	-	-	-	9.999	13.661	3.662	-	13.661	-	-	11.657	-	2.004	1
	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung đội 12 xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng	1911 (29/9/23)	13.661	13.661	-	-	-	9.999	13.661	3.662	-	13.661	-	-	11.657	-	2.004	1
<i>c</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		561.829	561.679	-	-	-	331.464	549.729	260.315	53.000	538.779	-	-	33.209	220.762	284.808	6
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thị trấn Quý Nhất, huyện Nghĩa Hưng	392 (23/02/21) 2378 (03/11/21) 1776 (11/9/23) 1664 (02/8/24)	57.153	57.153	-	-	-	51.464	57.153	5.689	-	57.153	-	-	32.106	25.047	-	1
	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung thôn Bon Ngạn, xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng	1742 (20/9/22) 1775 (11/9/23)	93.065	93.015	-	-	-	-	93.015	93.015	-	93.015	-	-	-	72.081	20.934	1
	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xóm Nguyễn Lực, xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng	1749 (20/9/22)	71.721	71.671	-	-	-	-	71.671	71.671	-	71.671	-	-	1.103	50.000	20.568	1
	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung thôn Đò Mười, xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng	1703 (14/9/22) 1365 (11/7/23)	89.990	89.940	-	-	-	-	89.990	89.940	-	89.940	-	-	-	72.634	17.306	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Thiên Bình, thị trấn Quỳ Nhất, huyện Nghĩa Hưng	1567 (14/8/23) 2423 (04/12/23) 1380/UBND-VP5 (03/12/24)	110.000	110.000				140.000	98.000	-	30.000	110.000	-	-	-	500	109.500	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Phúc Thắng, huyện Nghĩa Hưng	2101 (25/10/23)	139.900	139.900				140.000	139.900	-	23.000	117.000	-	-	-	500	116.500	1
2	Các dự án tình quyết định đầu tư		752.926	604.441	-	84.596	84.373	446.543	454.574	381.280	423.693	404.130	-	21.333	78.697	114.015	190.085	33
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		236.926	88.441	-	84.596	84.373	27.850	22.850	-	5.000	22.850	-	21.333	-	-	1.517	2
<i>a</i>	<i>Các dự án đã quyết toán</i>		<i>87.147</i>	<i>86.924</i>	-	<i>84.596</i>	<i>84.373</i>	<i>21.333</i>	<i>21.333</i>	-	-	<i>21.333</i>	-	<i>21.333</i>	-	-	<i>0</i>	<i>1</i>
<i>a.2</i>	<i>Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022</i>		<i>87.147</i>	<i>86.924</i>	-	<i>84.596</i>	<i>84.373</i>	<i>21.333</i>	<i>21.333</i>	-	-	<i>21.333</i>	-	<i>21.333</i>	-	-	<i>0</i>	<i>1</i>
	- Cải tạo, nâng cấp đường Phong - Bình huyện Nghĩa Hưng	2445 (28/10/16) 1576 (27/7/18)	87.147	86.924	2203 (09/10/19)	84.596	84.373	21.333	21.333	-	-	21.333	-	21.333	-	-	0	1
<i>b</i>	<i>Các dự án hoàn thành chưa quyết toán</i>		<i>149.779</i>	<i>1.517</i>	-	-	-	<i>6.517</i>	<i>1.517</i>	-	<i>5.000</i>	<i>1.517</i>	-	-	-	-	<i>1.517</i>	<i>1</i>
	- Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 488C, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	1958 (13/9/19) 457 (02/3/21) 2166 (07/10/21) 947 (19/5/22) 2741 (29/12/23) 1915 (06/9/24)	149.779	1.517				6.517	1.517	-	5.000	1.517	-	-	-	-	1.517	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		516.000	516.000	-	-	-	418.693	431.724	381.280	418.693	381.280	-	-	78.697	114.015	188.567	31
<i>b</i>	<i>Các dự án hoàn thành chưa quyết toán</i>		<i>40.000</i>	<i>40.000</i>	-	-	-	-	<i>40.000</i>	<i>40.000</i>	-	<i>40.000</i>	-	-	<i>23.600</i>	<i>13.500</i>	<i>2.900</i>	<i>1</i>
	- Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng	2321 (13/12/22)	40.000	40.000				40.000	40.000	40.000	-	40.000	-	-	23.600	13.500	2.900	1
<i>c</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>		<i>207.000</i>	<i>207.000</i>	-	-	-	-	<i>166.149</i>	<i>207.000</i>	-	<i>207.000</i>	-	-	<i>55.097</i>	<i>65.800</i>	<i>86.103</i>	<i>3</i>

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng đường tránh QL37B đoạn từ đường trục phát triển đến Tỉnh lộ 490C, huyện Nghĩa Hưng	675 (05/4/23) 2139 (30/10/23) 461/BC- UBND huyện (25/10/24)	82.000	82.000					70.000	82.000	-	82.000	-	-	28.600	39.000	14.400	1
	- Cài tạo, nâng cấp Trung tâm giáo dục nghề nghiệp -Giáo dục thường xuyên huyện Nghĩa Hưng	1997 (31/10/22) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	42.000	42.000					39.998	42.000	-	42.000	-	-	26.498	6.800	8.702	1
	- Cài tạo, nâng cấp đường Hùng - Hải, huyện Nghĩa Hưng	1593 (29/7/24) 461/BC- UBND huyện (25/10/24)	83.000	83.000					56.151	83.000	-	83.000	-	-	-	20.000	63.000	1
d	Các dự án khởi công mới		269.000	269.000	-	-	-	418.693	185.575	134.280	418.693	134.280	-	-	-	34.715	99.565	4
	- Cài tạo, nâng cấp đường Lâm - Hùng huyện Nghĩa Hưng	15/NQ-HĐND (26/4/22) 461/BC- UBND huyện (25/10/24)	127.000	127.000					110.000	64.565	-	64.565	-	-	-	-	64.565	1
	- Xây dựng đường trục xã Hoàng Nam đoạn từ thôn Sa Thượng đến Quốc lộ 37B xã Hoàng Nam, huyện Nghĩa Hưng	17/NQ-HĐND (13/3/24) 461/BC- UBND huyện (25/10/24)	60.000	60.000					41.000	40.000	-	40.000	-	-	-	10.000	30.000	1
	- Cài tạo, nâng cấp đường Thái Trung Sơn đoạn từ công Đại Tám A4 xã Nghĩa Trung đến làng Quần Liêu xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng	23/NQ-HĐND (13/3/24)	42.000	42.000					34.575	29.715	-	29.715	-	-	-	24.715	5.000	1
	Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025																	
	- Xây dựng trường Mầm non Thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng		40.000	40.000					-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Các công trình KCM phục vụ các mục tiêu phát triển KTXH của huyện trong giai đoạn 2022-2025							418.693	-	-	418.693	-	-	-	-	-	-	-
e	Các dự án chuẩn bị đầu tư (Huyện chủ động bố trí vốn CBDT. Trong đó: Danh mục dự án, Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của các dự án là số liệu dự kiến tại thời điểm báo cáo, được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)							-	40.000	-	-	-	-	-	-	-	-	23
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm 1+ xóm 2 Phú Thọ, xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng		75.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Nghĩa Thái, huyện Nghĩa Hưng	289/TTr-UBND (12/11/24)	12.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Hưng		87.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Thôn Ba Hạ xã Hoàng Nam, huyện Nghĩa Hưng		92.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Quang Trung, xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng		82.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Hùng Anh, xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Hưng		71.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Sỹ Hội Bắc xã Nghĩa Hùng, huyện Nghĩa Hưng		130.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm 1, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng		32.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Nam Điền, xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Hưng		21.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng nhà văn hóa trung tâm huyện Nghĩa Hưng		40.000						40.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Nghĩa Lạc		30.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng trường THCS xã Nghĩa Trung		30.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp trường THCS thị trấn Liễu Đề		20.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp trường THCS Nghĩa Hưng		30.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Nghĩa Châu		20.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Nam Điền		15.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng trường Mầm non xã Nghĩa Lợi		30.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng Trường Tiểu học xã Đồng Thịnh		15.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng Trường Mầm non xã Nghĩa Hùng và các hạng mục phụ trợ		15.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Đường Thái - Trung - Sơn đoạn từ cổng Đại Tám 10 đến đường Thái Thịnh (Đoạn qua xã Nghĩa Thái)		15.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo đường Phú Lợi đoạn từ Đường bộ ven biển đến đường Lâm - Hùng - Hải		15.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây đường xã Nghĩa Trung đoạn từ phòng Giáo dục đến đường Thái Trung Sơn (dài 2,5km)		70.000							-	-	-	-	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án		
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025	
	- Xây dựng Đường tránh QL 37B giai đoạn 2, đoạn từ Quốc lộ 37B đến tỉnh lộ 490C (dài 2km)		60.000							-	-	-						1	
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn							402.459	351.036	-	75.076	327.383	53.151	67.322	74.685	71.200	61.026		
	<i>Trong đó:</i>									-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Xây dựng hạ tầng khu đầu giá quyền sử dụng đất năm 2020 xã Nghĩa Thịnh	26 (15/4/2020) (UBND huyện)	778	778	70/QĐ-UBND (25/10/21) (UBND huyện)	682	682	-	682	682	-	682	682	-	-	-	-	1	
	- Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Bình	2751 (22/5/21)	9.982	9.982				9.982	-	-	9.982							1	
	- Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Phú	04/NQ-HĐND (10/4/21)	9.999	9.999				9.999		-	9.999							1	
	- Khu dân cư tập trung xóm Đông Mỹ xã Nghĩa Lợi	14/NQ-HĐND (29/7/21)	9.879	9.879				9.879		-	9.879							1	
	- Khu dân cư tập trung xóm 1 xã Nam Diễn	13/NQ-HĐND (29/7/21)	9.853	9.853				9.853		-	9.853							1	
	- Khu dân cư tập trung đội 9 xã Nghĩa Phong	3150 (26/8/19) 1869 (31/3/20) (UBND huyện)	8.671	8.671	147 (21/01/22) (UBND huyện)	8.403	6.253	8.961	6.253	-	2.708	6.253	1.973	4.280	-	-	-	-0	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nghĩa Minh	4146 (20/10/16) 90 (29/7/17) 139 (19/10/17) 15 (07/02/18) 91 (27/7/18) (UBND huyện)	4.293	367	2347 (13/6/17) 439A (01/10/21) 439B (01/10/21) 439C (01/10/21) 439D (01/10/21) (UBND huyện)	4.293	367	-	367	367	-	367	-	367	-	-	-	-0	1
	- Xây dựng hạ tầng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng	3296 (09/9/20) (UBND huyện)	7.326	7.026	1974 (27/6/23)	6.976	6.676	7.326	6.976	-	650	6.676	-	6.042	634	-	-	0	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nghĩa Châu	2671 (01/7/2019) (UBND huyện)	875	556	85 (13/01/22) (UBND huyện)	875	556	-	556	556	-	556	-	556	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 10 xã Nghĩa Trung	5256 (18/10/18) (UBND huyện)	9.993	7.445	284 (24/01/24)	9.206	6.874	9.993	6.874	-	3.119	6.874	-	-	6.874	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nghĩa Thịnh	3697 (25/10/19) (UBND huyện)	9.986	7.800	890 (06/4/23) UBND huyện	9.267	7.100	9.986	7.100	-	2.906	7.080	-	-	7.080	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm 5 xã Nghĩa Tân, huyện Nghĩa Hưng	5262 (22/10/18) 2369 (26/4/21) (UBND huyện)	8.890	7.030	4250 (29/8/22) (UBND huyện)	8.544	7.030	8.950	7.030	-	1.920	7.030	-	7.030	-	-	-	1
	- Xây dựng Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng	5291 (24/10/18) 4682 (06/12/19) 1968 (09/4/2021) (UBND huyện)	9.904	9.904	2639 (27/4/22) (UBND huyện)	9.803	7.117	9.998	7.117	-	2.881	7.117	-	7.117	-	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nghĩa Sơn	2516 (29/4/21) (UBND huyện)	9.837	6.995				9.837	6.995	-	2.842	6.995	-	-	6.995	-	-	1
X	HUYỆN HẢI HẬU		2.650.534	2.547.562		230.382	228.520	2.373.429	2.112.991	376.611	676.082	2.073.957	77.628	122.109	66.220	707.000	1.101.000	54
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		1.214.330	1.212.520				846.519	948.304	248.507	45.165	1.049.861	305	56.300		469.000	524.256	17
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		409.353	409.353				311.359	292.645	56.509	20.414	347.454	305	56.300		24.433	266.416	3
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		124.042	124.042				82.557	63.843		20.414	62.143	305	56.300			5.538	2
	- Xây dựng khu dân cư thương mại xã Hải Thanh, huyện Hải Hậu	2323 (22/10/18) 2270 (14/9/20)	61.838	61.838				61.838	61.838	-	-	61.838	-	56.300	-	-	5.538	1
	- Xây dựng khu đô thị Yên Định và khu dân cư tập trung Hải Hưng	701 (31/3/16) 444 (28/02/18) 1501 (22/7/19)	62.204	62.204				20.719	2.005	-	20.414	305	305	-	-	-	-	1
c	Các dự án chuyển tiếp		285.311	285.311				228.802	228.802	56.509		285.311				24.433	260.878	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu đô thị thương mại Côn - Văn Lý	2352 (25/10/18) 2276 (15/9/20) 603 (28/3/24) 334/TTr-UBND huyện (11/10/24)	285.311	285.311				228.802	228.802	56.509	-	285.311	-	-	-	24.433	260.878	1
1.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		804.977	803.167	-	-	-	535.160	655.659	191.998	24.751	702.407	-	-	-	444.567	257.840	14
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán		205.927	205.067	-	-	-	205.160	207.359	658	751	205.067	-	-	-	205.067	-	3
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Hải Xuân, huyện Hải Hậu	1709 (14/9/22) 20 (05/01/24)	56.760	56.460				56.760	56.460	-	300	56.460	-	-	-	56.460	-	1
	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu	1710 (14/9/22)	138.399	137.949				138.400	137.999	-	451	137.949	-	-	-	137.949	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Tây Cát, thị trấn Côn, huyện Hải Hậu	382 (22/02/24)	10.768	10.658				10.000	12.900	658	-	10.658	-	-	-	10.658	-	1
c	Các dự án chuyển tiếp		277.050	276.500	-	-	-	255.000	277.500	28.490	24.000	259.490	-	-	-	62.500	196.990	6
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Anh, huyện Hải Hậu	1838 (19/9/23)	15.000	14.990				10.000	15.000	4.990	-	14.990	-	-	-	500	14.490	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Quang, huyện Hải Hậu	2102 (25/10/23)	65.000	64.890				50.000	64.900	10.500	-	60.500	-	-	-	500	60.000	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Hải Phương, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu	251 (26/01/24) 834 (24/4/24) 2379 (31/10/24)	54.000	53.890				50.000	53.900	500	-	50.500	-	-	-	500	50.000	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Hải Vân, xã Hải Nam, huyện Hải Hậu	287 (31/01/24) 835 (24/4/24) 2412 (05/11/24)	35.050	34.940				20.000	35.900	12.500	-	32.500	-	-	-	500	32.000	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu	2117 (27/10/23)	43.000	42.890				55.000	42.900	-	14.500	40.500	-	-	-	500	40.000	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu	1657 (23/8/23) 2195 (22/10/24)	65.000	64.900				70.000	64.900	-	9.500	60.500	-	-	-	60.000	500	1
d	Các dự án khởi công mới		322.000	321.600	-	-	-	75.000	170.800	162.850	-	237.850	-	-	-	177.000	60.850	5
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Hải Hà, xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu	101/NQ-HĐND (29/8/23) 169/NQ-HĐND (10/12/24)	65.000	64.950					500	64.950	-	64.950	-	-	-	47.000	17.950	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Hải Cường, xã Hải Xuân, huyện Hải Hậu	100/NQ-HĐND (29/8/23) 169/NQ-HĐND (10/12/24)	75.000	74.950					75.000	70.500	-	70.500	-	-	-	70.000	500	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Đông, huyện Hải Hậu	64/NQ-HĐND (17/6/22) 52/NQ-HĐND (24/4/23)	65.000	64.900				50.000	64.900	10.500	-	60.500	-	-	-	60.000	500	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Hải Chính, thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu	63/NQ-HĐND (17/6/22) 3747/TTr-SKHĐT (08/11/24)	42.000	41.900				25.000	29.900	16.900	-	41.900	-	-	-	-	41.900	1
	Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025									-	-							
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Hải An, huyện Hải Hậu		75.000	74.900					500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
2	Các dự án tình quyết định đầu tư		1.436.204	1.335.042	-	230.382	228.520	1.040.769	738.862	128.104	547.775	621.098	52.164	20.845	59.243	142.800	346.046	37
2.1	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		832.787	825.925	-	230.382	228.520	402.701	390.141	1.359	39.693	364.367	52.164	15.845	53.785	12.176	230.397	9
a	Các dự án đã quyết toán		244.345	242.483	-	230.382	228.520	92.069	84.509	1.359	12.371	81.057	47.164	15.845	5.333	12.176	539	8
a.1	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		110.233	110.233	-	101.728	101.728	16.233	7.728	-	8.505	7.728	7.728	-	-	-	-	4
	- Cài tạo, nâng cấp đường Nam - Đông huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	378 (27/02/17) 831 (19/4/21)	83.480	83.480	2936 (21/12/21)	76.202	76.202	13.480	6.202	-	7.278	6.202	6.202	-	-	-	-	1
	- Xây dựng cầu Bốn Nhuận xóm 12 xã Hải Anh, huyện Hải Hậu	2365 (22/9/20)	9.000	9.000	39/QĐ-STC (13/4/22)	8.663	8.663	1.000	663	-	337	663	663	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ cầu Yên Định đến cầu Mộng Chè xã Hải Trung, huyện Hải Hậu	1753 (21/7/20)	8.984	8.984	36/QĐ-STC (12/4/22)	8.634	8.634	984	634	-	350	634	634	-	-	-	-	1
	- Xây dựng cầu 19 tháng 5 thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu	2364 (22/9/20)	8.769	8.769	37/QĐ-STC (13/4/22)	8.229	8.229	769	229	-	540	229	229	-	-	-	-	1
a.2	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2022		14.995	14.995		14.619	14.619	4.495	4.119	-	377	4.118	-	4.118	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ xóm 4, xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu đi xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường	2366 (22/9/20)	14.995	14.995	879 (11/5/22)	14.619	14.619	4.495	4.119	-	377	4.118	-	4.118	-	-	-	1
a.4	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2024		66.163	65.863	-	64.495	64.195	32.949	34.270	1.359	75	34.233	19.474	1.476	1.107	12.176	-	2
	- Tu bổ, tôn tạo di tích Đền - Chùa xã Hạ, xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu	1292 (21/6/18) 2909 (19/12/18) 2629 (29/10/20) 403 (28/02/23)	13.663	13.363	1813 (23/8/24)	13.188	12.888	12.963	12.963	-	75	12.888	-	-	1.107	11.781	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Trung Hòa, huyện Hải Hậu (Giai đoạn III)	1911 (04/8/2020) 2392 (21/12/22)	52.500	52.500	2168 (31/10/23)	51.307	51.307	19.986	21.307	1.359	-	21.345	19.474	1.476	-	395	-	1
a.5	Các dự án đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2025		52.954	51.392	-	49.540	47.978	38.392	38.392	-	3.414	34.978	19.962	10.251	4.226	-	539	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Tây sông Múc, huyện Hải Hậu (đoạn từ xã Hải Bắc đến xã Hải Trung; đoạn từ cầu Liên Thuận, xã Hải Xuân đến cầu Xuân Hương, xã Hải Hòa)	2116 (25/8/20) 20 (05/1/23)	52.954	51.392	2561 (21/11/24)	49.540	47.978	38.392	38.392	-	3.414	34.978	19.962	10.251	4.226	-	539	1
c	Các dự án chuyển tiếp		588.442	583.442	-	-	-	310.632	305.632	-	27.322	283.310	5.000	-	48.452	-	229.858	1
	- Xây dựng đường trục trung tâm huyện Hải Hậu (Giai đoạn I)	2795 (13/12/19) 602 (28/3/24) 317/TTr- UBND huyện (07/10/24)	588.442	583.442				310.632	305.632	-	27.322	283.310	5.000	-	48.452	-	229.858	1
2.2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		603.417	509.117	-	-	-	638.068	348.721	126.745	508.082	256.731	-	5.000	5.458	130.624	115.649	28
c	Các dự án chuyển tiếp		196.219	190.669	-	-	-	100.286	196.990	90.683	300	190.669	-	5.000	5.458	89.600	90.611	5

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
	- Cải tạo, nâng cấp đường Long - Sơn, huyện Hải Hậu	1729 (31/8/23)	29.990	29.690				29.990	29.990	-	300	29.690	-	-	5.000	20.000	4.690	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Phú - Ninh, huyện Hải Hậu	1261 (15/7/22) 1100 (05/6/23) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	35.000	35.000				29.900	35.000	5.100	-	35.000	-	5.000	-	22.000	8.000	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Thanh Quang, huyện Hải Hậu	557 (22/3/24)	29.229	29.179					30.000	29.179	-	29.179	-	-	-	7.000	22.179	1
	- Nạo vét, kiến cố hóa kênh Doanh châu B, kênh 6 xã và các tuyến kênh nhánh xã Hải Phương, huyện Hải Hậu	1437 (08/7/24)	50.000	49.950					50.000	49.950	-	49.950	-	-	-	600	49.350	1
	- Nạo vét, kiến cố hóa kênh Múc A, huyện Hải Hậu (đoạn từ xã Hải Long đến xã Hải Cường), thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu	2387 (20/12/22) 175/NQ-HĐND (10/12/24)	52.000	46.850				40.396	52.000	6.454	-	46.850	-	-	458	40.000	6.392	1
d	Các dự án khởi công mới		407.198	318.448	-	-	-	187.782	46.100	36.062	157.782	66.062	-	-	-	41.024	25.038	7
	- Cải tạo, nâng cấp đường Xuân - Cường (đoạn từ xã Hải Xuân đến xã Hải Cường)	16/NQ-HĐND (13/3/24)	40.000	40.000				30.000	40.000	10.000	-	40.000	-	-	-	34.924	5.076	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Hải Anh, huyện Hải Hậu (Đoạn từ Đền Ba Bà Chứa đến Quốc lộ 37B)	34/NQ-HĐND (09/4/24)	31.100	6.100					6.100	6.100	-	6.100	-	-	-	6.100	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường An Cường (kết nối xã Hải An, huyện Hải Hậu và thị trấn Ninh Cường, huyện Trực Ninh)	TB231 (26/9/24)	85.000	21.250						19.962	-	19.962	-	-	-	-	19.962	1
	Các dự án dừng thực hiện, không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025									-	-							
	- Xây dựng đường trục trung tâm huyện Hải Hậu (Giai đoạn 2)	2795 (13/12/19) 602 (28/3/24)	153.411	153.411				122.220		-	122.220	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây mới cầu Hải Đường (Cầu qua UBND xã Hải Đường)		10.000	10.000				10.000		-	10.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây mới cầu Thống Đường (xã Hải Tân) qua kênh Múc		12.000	12.000				12.000		-	12.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp các công trình khu trung tâm huyện Hải Hậu		75.687	75.687				13.562	-	-	13.562	-	-	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao		KH năm 2025
e	<i>Các dự án chuẩn bị đầu tư (Huyện chủ động bố trí vốn CBDT. Trong đó: Danh mục dự án, Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của các dự án là số liệu dự kiến tại thời điểm báo cáo, được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt)</i>							350.000	105.631	-	350.000	-	-	-	-	-	-	16
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Cảnh Tây xóm 9, xã Hải Nam, huyện Hải Hậu	85/NQ-HĐND (06/7/22)	24.950					25.000	24.850	-	25.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Hải Bắc, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu	65/NQ-HĐND (17/6/22) 51/NQ-HĐND (24/4/23) 169/NQ-HĐND (10/12/24)	60.000					50.000	59.900	-	50.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Giang, huyện Hải Hậu	102/NQ-HĐND (29/8/23)	35.000					20.000	500	-	20.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Hải Tây, huyện Hải Hậu	66/NQ-HĐND (11/7/24)	75.000					80.000	500	-	80.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Hải Phong, huyện Hải Hậu		85.000					70.000	500	-	70.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu		50.000					50.000	-	-	50.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Hải Châu, huyện Hải Hậu		65.000					30.000	-	-	30.000	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung số 2 xã Hải Anh, huyện Hải Hậu	TB278 (03/12/24)	144.000					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung số 2 Hải Phương, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu	3948/TTr-SKHĐT (20/11/24)	102.000					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Hải Trung, huyện Hải Hậu		40.000					-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu		90.000					-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xã Hải Tân, huyện Hải Hậu		45.000					-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo nâng cấp đường Nam Trung đoạn từ xã Hải Bắc đi Hải Nam (GD2)		30.000					25.000	7.688	-	25.000	-	-	-	-	-	-	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Nghị quyết số 123/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Điều chỉnh so với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021		Kế hoạch trung hạn từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: nguồn thu tiền sử dụng đất			Tăng	Giảm	Tổng số	KH năm 2021 đã thực hiện	KH năm 2022 đã thực hiện	KH năm 2023 đã thực hiện	KH năm 2024 đã giao	
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Đường bộ ven biển đến đường Huyện lộ Nam - Đông (đoạn qua xã Hải Lộc), huyện Hải Hậu	160/NQ-HĐND (10/12/24)	80.000						10.193	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục liên xã thị trấn Yên Định - Hải Tân, huyện Hải Hậu	353/TTr-UBND (22/10/24)	105.000						-	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo nâng cấp đường Phúc Nam, xã Hải Nam, huyện Hải Hậu	396/TTr-UBND (28/11/24)	50.000						-	-	-	-	-	-	-	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn							486.140	425.825	-	83.142	402.998	25.159	44.964	6.977	95.200	230.698
	Trong đó:									-	-	-	-	-	-	-	-
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Lý, huyện Hải Hậu	7234 (31/12/19) 2452 (26/5/20) (UBND huyện)	8.960	8.960	2827 (18/01/22) (UBND huyện)	8.785	8.785	8.960	8.786	-	175	8.785	8.767	18	-	-	1